

QUÁ TRÌNH XÁC LẬP VÀ THỰC THI CHỦ QUYỀN CỦA VIỆT NAM TẠI QUẦN ĐẢO HOÀNG SA

Nhà nước Việt Nam là nhà nước đầu tiên trong lịch sử đã chiếm hữu và thực thi chủ quyền của mình trên quần đảo Hoàng Sa, ít nhất là từ thế kỷ XVII. Việc chiếm hữu và thực thi chủ quyền này là thực sự, liên tục, hòa bình, phù hợp với nguyên tắc của luật pháp và thực tiễn quốc tế. Chúng ta có đầy đủ các bằng chứng pháp lý và cứ liệu lịch sử có giá trị để chứng minh sự thật hiển nhiên này qua các giai đoạn lịch sử có liên quan.

I. Trước năm 1884.

1. Nhà nước Đại Việt thời chúa Nguyễn đã xác lập và thực thi chủ quyền tại Hoàng Sa.

Suốt trong ba thế kỷ, từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XIX, một tổ chức của Nhà nước Việt Nam, Đội Hoàng Sa, là bằng chứng hùng hồn về sự xác lập và thực thi chủ quyền của Đại Việt ở Đàng Trong đối với Hoàng Sa. Đội Hoàng Sa ra đời ở Cửa biển Sa Kỳ và Cù Lao Ré thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Sử sách Việt Nam và của cả Trung Quốc đều chép Đội Hoàng Sa được thành lập vào đầu thời chúa Nguyễn. Hải ngoại kỷ sự (Trung Quốc) viết năm 1696, chép thời Quốc Vương trước đã có những hoạt động của đội “Hoàng Sa” và Phủ Biên tạp lục (Lê Quý Đôn) viết năm 1776, chép “Tiền Nguyễn Thị”. Đại Nam thực lục tiền biên (1821) chép “Quốc sơ trí Hoàng Sa”. Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (năm 1686), đã đề cập đến các hoạt động của Đội Hoàng Sa. Phủ biên tạp lục cũng như các tài liệu khác đều cho biết Đội Hoàng Sa khi trở về đất liền vào tháng tám âm lịch vào cửa Eo hay Tư Hiền rồi nộp sản vật tại chính dinh ở Phú Xuân. Thời chúa Nguyễn Phúc Lan mới bắt đầu dời chính dinh đến Kim Long vào năm Dương Hoà thứ nhất (1635) và thời chúa Nguyễn Phúc Tần mới dời qua Phú Xuân.

Như thế, chúng ta có cơ sở để kết luận Đội Hoàng Sa ra đời sớm nhất từ thời chúa Nguyễn Phúc Lan (1635 - 1648), hay chắc chắn là từ thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648 - 1687), bởi chính vào thời kỳ này, các thuyền của Đội Hoàng Sa mới đi vào cửa Eo (Thuận An) và nộp sản vật tại chính dinh Phú Xuân.

Dù ở thời chúa Nguyễn nào thì thời điểm lập ra Đội Hoàng Sa cũng chắc chắn ít ra là vào nửa đầu thế kỷ XVII, tức là vào đầu thời chúa Nguyễn. Đội Hoàng Sa đã hoạt động kể từ chúa Nguyễn Phúc Lan hay Nguyễn Phúc Tần đến hết thời kỳ chúa Nguyễn, cả thảy 7 đời chúa, gần một thế kỷ rưỡi. Phong trào Tây Sơn nổi dậy, Chúa Nguyễn chạy vào đất Gia Định thì Đội Hoàng Sa đặt dưới quyền kiểm soát của Tây Sơn mà trong tài liệu còn lưu giữ tại nhà thờ họ Võ, phường An Vĩnh, Cù Lao Ré, đã cho biết năm 1786 năm Thái Đức thứ 9, dân Cù Lao Ré đã xin chính quyền Tây Sơn cho đội Hoàng Sa hoạt động trở lại. Đến những năm cuối cùng của Tây Sơn, hoạt động của đội Hoàng Sa cũng bị ảnh hưởng nên đến khi năm Gia

Long thứ 2 (1803) mới cho Đội Hoàng Sa hoạt động trở lại như Đại Nam thực lục chính biên, quyển XXII đã ghi rõ: “cai cơ Võ Văn Phú làm thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa”. Năm 1815, vua Gia Long sai Đội Hoàng Sa đi đo đạc thủy trình ở Hoàng Sa.

Từ năm 1816, Gia Long bắt đầu cử Thủy quân cùng với đội Hoàng Sa, không còn giao phó hoàn toàn cho Đội Hoàng Sa lo kiểm soát, đo đạc thủy trình ở Hoàng Sa. Đội Hoàng Sa trở thành tổ chức mang tính dân sự nhiều hơn. Theo truyền thống, dân Cù Lao Ré vẫn tiếp tục đi biển, trong đó có vùng Hoàng Sa nhiều sản vật quý.

Vào thời Minh Mệnh, như năm 1835, vẫn thấy Đội Hoàng Sa hỗ trợ Thủy quân đi công tác tại Hoàng Sa với đà công (lái thuyền) và dân phu. Thời Tự Đức, người ta không thấy biên niên sử còn chép các hoạt động của Đội Hoàng Sa, vì theo phạm lệ của Đại Nam thực lục, đệ tứ kỷ, chép vào đời Tự Đức, những việc thành lệ thường không được chép nữa mà thôi. Những hoạt động của Đội Hoàng Sa cũng như thủy quân từ năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) đã trở thành lệ thường, như đã chép trong sách Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ. Ngoài ra, có văn tế sùng kính Đội Hoàng Sa thời vua Tự Đức còn lưu lại ở đảo Cù Lao Ré.

Về lịch hoạt động ở ngoài đảo, theo những tài liệu như Dư địa chí, Hoàng Việt địa dư chí, Đại Nam thực lục tiền biên, Đại Nam Nhất Thống Chí, hàng năm Đội Hoàng Sa bắt đầu đi từ tháng 3 âm lịch đến tháng 8 âm lịch thì về. Riêng theo Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư hay Toàn tập An Nam lộ thì lúc đi cuối Đông, không nói thời gian về; theo Phủ biên tạp lục, thì thường đi vào tháng giêng âm lịch đến tháng 8 về (nếu lương thực mang đi có 6 tháng, từ tháng 3 đến tháng 8, tức khoảng từ tháng 4 đến tháng 9 dương lịch ở Quảng Ngãi là mùa khô, có gió Tây Nam rất thuận lợi cho việc đi biển, nhất là vùng Quảng Ngãi lại chỉ có bão trong thời gian từ tháng 8 đến tháng 11 âm lịch (tháng 9 dương lịch đến tháng 12 dương lịch), nhất là hai tháng 9 và 10 âm lịch. Như thế việc chọn thời gian hoạt động của Đội Hoàng Sa là một lựa chọn rất khôn ngoan của tiền nhân.

Đội Hoàng Sa có nhiệm vụ thu lượm các sản vật từ các tàu đắm, các hải sản quý từ vùng biển quần đảo Hoàng Sa. Ngoài ra, về sau còn đảm trách đi xem xét, đo đạc thủy trình vùng quần đảo Hoàng Sa.

Riêng về nhiệm vụ do thám và bảo vệ vùng biển quần đảo Hoàng Sa nhằm chống lại nạn cướp biển thì đơn xin của phường An Vĩnh tách khỏi xã An Vĩnh ngày 01 tháng 02 năm Gia Long thứ 3 (1804) đã ghi rõ nhiệm vụ này. Ngoài ra, chức cai Đội Hoàng Sa kiêm chức cai cơ Thủ Ngự mà Thủ Ngự lại có nhiệm vụ do thám ngoài biển. Nhiều tài liệu cho biết cai Đội Hoàng Sa kiêm quản cai cơ Thủ Ngự như Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ, quyển XXII ghi rõ: Võ Văn Phú được sai tái lập Đội Hoàng Sa, chính khi ấy là Thủ Ngự cửa biển Sa Kỳ.

Như thế, nhiệm vụ của Đội Hoàng Sa rất nặng nề, không thuận tụy về kinh tế, khai thác tài nguyên mà còn làm công tác xem xét, đo đạc thủy trình, do thám trên quần đảo Hoàng Sa, nhất là trong thời chúa Nguyễn và thời kỳ đầu nhà Nguyễn.

Đội Hoàng Sa là một tổ chức nhà nước, vừa mang tính dân sự vừa mang tính quân sự; vừa có chức năng kinh tế, vừa có chức năng quản lý ở Biển Đông, ra đời từ đầu thời chúa Nguyễn, theo Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn, quyển 3, thì lúc đó, có nhiều tổ chức tương tự như đội Thủ Ngự (đội coi về canh gác, ngăn chặn trộm cướp), đội Thổ Binh...

Đứng đầu Đội Hoàng Sa là một “cai đội”, những thành viên trong Đội được gọi là “lính”. Đó là những quân nhân đi làm nhiệm vụ do Vua ban.

Thời chúa Nguyễn mỗi năm lấy 70 suất đình để làm những nhiệm vụ của Đội Hoàng Sa theo phép tuyển như trên, song còn dựa vào khả năng đi biển mà tuyển chọn. Số lượng 70 là số lượng đặc biệt cho một đội dân binh như Đội Hoàng Sa. Cũng theo Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn đã gọi những người trong Đội Hoàng Sa là “dân binh”, trong đó có 2 người bị trôi dạt vào Cảng Thanh Lan (Hải Nam) khi bị bão vào năm Càn Long thứ 17 (1754), còn tám người khác bị mất tích. Như thế mỗi thuyền trong Đội Hoàng Sa có số lượng khoảng 10 người.

Tại xã An Vĩnh, nay thuộc thôn An Vĩnh, xã Tự Kỳ, còn di tích một ngôi miếu ở cạnh cửa biển Sa Kỳ là ngôi miếu Hoàng Sa vốn thờ bộ xương đầu của con cá voi, (trung truyền do binh Đội Hoàng Sa đưa từ Hoàng Sa về) và thờ lính Hoàng Sa, ngôi miếu này bị phá hủy trong thời kỳ chiến tranh và bộ xương cá voi thần linh ở miếu này được chuyển sang thờ tại lăng Thánh, ngay cạnh ngôi miếu xưa.

Tại Cù Lao Ré, nay là huyện đảo Lý Sơn, vẫn còn Âm Linh Tự, tức miếu Hoàng Sa, ở thôn Tây, xã Lý Vĩnh, tức phường An Vĩnh xưa và Âm Linh Tự ngoài trời ở xã Lý Hải, tức phường An Hải xưa. Đến ngày nay tại các nhà thờ tộc họ, các đình làng ở xã An Vĩnh và cả làng An Hải (cả đất liền lẫn ngoài đảo Cù Lao Ré) vẫn còn tục tế đình và làm lễ khao quân tế sông để tiễn lính Đội Hoàng Sa lên đường làm nhiệm vụ vào ngày 20 tháng 02 âm lịch hàng năm. Trong buổi tế sông lính Hoàng Sa đó, họ làm những hình nộm bằng khung tre và dán giấy ngũ sắc để giả hình người và đem tế tại đình. Tế xong họ đốt đi hoặc đóng thuyền bằng thân cây chuối đặt hình nộm lên và thả trôi ra biển gọi là “khao lễ thể lính Hoàng Sa” còn gọi là "lễ tế sông lính Hoàng Sa" với quan niệm các hình nộm kia sẽ gánh chịu mọi hiểm nguy, tai nạn trên biển thay cho lính Đội Hoàng Sa và cầu mong cho người thân của họ bình an trở về. Ngày nay tại các nhà thờ tộc họ có người đi lính Hoàng Sa đều có tổ chức tục lễ như thế và hiện tại gia đình các tộc họ cũng còn giữ bài văn khao lễ thể lính Hoàng Sa, gồm một nửa chữ Hán, một nửa chữ Nôm.

Với những nhiệm vụ và tổ chức hoạt động kể trên, Đội Hoàng Sa thu lượm những hải vật quý lạ ở Hoàng Sa như hải sâm, ốc hoa, ốc tai voi có chiếc lớn như

chiếc chiếu, bụng có châu ngọc lớn như ngón tay trẻ em, sắc đục không bằng sắc con trai châu, song vỏ ốc có thể tách ra từng phiến, cũng có thể dùng vỏ ốc làm thành vôi; có thứ ốc xà cừ, người ta có thể dùng để dát các đồ dùng; có thứ đại mạo hay đại môi, tức con đồi mồi rất lớn hay con hải ba (ba ba biển tục gọi là con trắng bông, cũng giống như con đồi mồi, nhưng nhỏ hơn).

Quan trọng nhất là các hàng hoá từ các tàu đắm mà Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư, viết rằng hàng hoá thu được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng ống. Phủ biên tạp lục thì ghi: những sản vật như gươm và ngựa bằng đồng, hoa bạc, tiền bạc, vàng bạc, đồ đồng, thiếc khối, chì đen, khẩu súng, ngà voi, sáp ong, đồ sứ.

Lê Quý Đôn, hồi làm Hiệp Trấn Thuận Hóa, đã viết: “tra khảo sổ biên của cai đội Thuyền Đức Hầu”, người chỉ huy Đội Hoàng Sa, trong nhiều năm đã vào Phú Xuân nộp các sản vật thu lượm được từ Hoàng Sa, cụ thể như sau:

- Năm Nhâm Ngọ (1702), Đội Hoàng Sa lượm được bạc 30 thoi.
- Năm Giáp Tuất (1704), lượm được thiếc 5100 cân.
- Năm Ất Dậu, lượm được bạc 126 thoi.

Còn từ năm Kỷ Sửu (1709) đến năm Quý Tỵ (1713), tức là trong khoảng 5 năm, thỉnh thoảng họ cũng lượm được mấy con đồi mồi và hải sâm. Cũng có lần họ chỉ lượm được mấy khối thiếc, mấy cái bát đá và hai khẩu súng đồng.

2. Nhà nước Đại Việt thời Tây Sơn chống hải tặc và bảo vệ Biển Đông (1771 - 1801).

Trong thời gian từ năm 1771 đến năm 1801, gần như lúc nào cũng có chiến tranh, trên đất liền cũng như ngoài Biển Đông, từng khu vực có lực lượng hoặc do chúa Nguyễn, chúa Trịnh hoặc quân Tây Sơn làm chủ.

Sau hơn 9 năm ngày vua Quang Trung mất, mặc dù lực lượng thủy quân Tây Sơn đã bị hao hụt nhiều, năm 1801, Jean Baptiste Chaigneau, kẻ tham dự trận đại thắng thủy chiến tiêu diệt hoàn toàn hạm đội Tây Sơn, đã viết thư cho Laurent Barizy (người Anh) ngày 02 tháng 3 năm 1801, có nhận định về thủy quân Tây Sơn như sau:

“Trước khi thấy được thủy quân địch, tôi vốn coi thường lực lượng này, nhưng tôi cam đoan với ông rằng đó là sai lầm, quân Tây Sơn đã có những chiến hạm trang bị 50 và 60 đại bác. Theo mô tả của Barizy, nhà quân sự người Anh, trong lực lượng thủy quân Tây Sơn ít ra có 4 loại tàu thuyền và dĩ nhiên thời này chỉ chạy bằng buồm hoặc chèo. Song chưa thấy tài liệu nào cho biết các tàu thuyền Tây Sơn được bọc đồng theo kiểu Tây Phương hồi đó. Loại chiến hạm lớn có tới 600 hay 700 thủy thủ và trang bị 50 hay 60 đại bác nặng 24 cân Anh (livres); tuy chỉ có từ 5 đến 9 chiến hạm, song đã nói lên hỏa lực mạnh và lực lượng thủy quân đông đảo trên các chiến hạm của Tây Sơn. Chính vì vậy quân Tây Sơn thường có những quả đấm mạnh bằng thủy quân trong các cuộc tiến công vào đất Gia định,

nhất là sau chiến thắng quân Thanh, xuân Kỷ Dậu, vua Quang Trung chuẩn bị đóng chiến thuyền vào Nam đánh quân Nguyễn Ánh.

Từ năm 1773, Tây Sơn chiếm được cảng Qui Nhơn rồi tiến lên phía Quảng Nam, kiểm soát bến Bình Sơn (Bền Ván), Quảng Ngãi, nơi có cửa biển Sa Kỳ và Cù Lao Ré (Đảo Lý Sơn), cái nôi của Đội Hoàng Sa, từ đầu thế kỷ XVII đã bắt đầu khai thác Biển Đông.

Chỉ trong vài năm bị đình đốn, ngày 15 tháng giêng năm Cảnh Hưng thứ 36 (1775) cai hợp Hà Liễu ở phường Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn) thuộc xã An Vĩnh, huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi, đã làm đơn xin với chính quyền Tây Sơn được lập lại Đội Hoàng Sa và Quế Hương, sẵn sàng vượt biển ra các cù lao ngoài biển để làm nhiệm vụ theo thông lệ và sẵn sàng ứng chiến chống kẻ xâm phạm.

Mãi đến năm 1778, Nguyễn Nhạc xưng Hoàng đế và từ đó mới có chính quyền Tây Sơn hoàn chỉnh. Năm Thái Đức thứ 9 (1786), ngày 14 tháng 2 (âm lịch) chính quyền Tây Sơn ra quyết định sai phái Hội Đức Hầu, cai Đội Hoàng Sa, cưỡi bốn chiếc thuyền câu vượt biển ra thẳng Hoàng Sa cùng các xứ cù lao ngoài biển.

Theo các tư liệu còn lưu lại cho thấy người phụ trách các tổ chức hoạt động ngoài biển là Thái phó, một chức quan lớn trong triều. Chính quyền Tây Sơn còn yêu cầu các thuyền của Đội Hoàng Sa phải mang biển hiệu thủy quân, song lại nhắc nhở không được lấy danh nghĩa thủy quân mà làm càn, bắt nạt dân làm muối, đánh cá.

Các đội khai thác Biển Đông như Đội Hoàng Sa, Đội Quế Hương, Đội Đại Mạo, Hải Ba, Đội Quế Hương Hàm không những có nhiệm vụ kinh tế mà còn như lời hứa của dân Phường Cù Lao Ré, do Cai hợp Hà Liễu đứng tên, sẵn sàng ứng chiến với kẻ xâm phạm mỗi khi có truyền báo xảy ra chinh chiến.

Riêng Đội Hoàng Sa, đứng đầu là cai đội hay đội trưởng, lại thường kiêm cai thủ cửa biển Sa Kỳ cũng như kiêm quản cai cơ thủ ngự. Chức quan cai cơ thủ ngự phụ trách thu thuế, an ninh trên biển, chống hải tặc, cướp biển. Như thế, việc khai thác kinh tế biển luôn kết hợp nhiệm vụ quốc phòng, chống cướp biển, bảo vệ Biển Đông.

3. Nhà nước Việt Nam thời Nhà Nguyễn tiếp tục sử dụng Đội Hoàng Sa làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ Hoàng Sa

Nguyễn Ánh đánh bại Tây Sơn, thống nhất đất nước, tuy bận lo việc nội trị, song vẫn tiếp tục quan tâm đến việc khai thác biển cũng như an ninh trên biển. Chỉ một năm sau khi lên ngôi Hoàng đế, tháng 7 năm Quý Hợi (1803), vua Gia Long đã cho lập lại Đội Hoàng Sa. Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ, quyển 12 viết: “Lấy Cai cơ Võ Văn Phú làm Thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm Đội Hoàng Sa”. Sau 3 tháng nhậm chức phụ trách việc tái lập Đội Hoàng Sa, Cai cơ Võ Văn Phú đã có quyết định ổn định tình hình ở chính quê hương của ông, cũng là quê hương của Đội Hoàng Sa. Trong tờ kê trình của Phú Nhuận hầu Võ

Văn Phú vào ngày 01 tháng 10 năm Gia Long thứ 2 (1803) đã chép rằng: “Do nay đến bản Phường (Cù Lao Ré), thấy các chức quan trông coi điện đài đều xin lui về, không nhận viên chức trong phường. Nay sợ rằng việc thờ phụng thần linh cũng cần đến ba chức giữ việc trong làng. Nay đã họp bầu như cách lần đầu để lại giữ yên tĩnh tình hình hương đảng. Nhân tiện họp cử ông thủ hội Võ Văn Khiết là người thẳng thắn, thanh liêm, siêng năng, cần mẫn, việc công cũng am hiểu, đều ưng thuận cho ông làm chức cai đình để ông dốc lòng lo lắng coi giữ đình, lại tiện phối hợp nhận phần sai dịch công tư trong làng và để ông ấy thấy rõ điều khen, điều chê về mình”. Người giữ chức cai đình lại là người trong tộc họ quan cai thủ, nên nể mà nhận lời. Khi nhận chức cai đình cũng là lo việc sai dịch công tư trong làng. Trong thời buổi mới này lại rất cần những loại người như ông Võ Văn Khiết vừa thẳng thắn, thanh liêm, cần mẫn...

Cũng nhờ ông Khiết, mẫu người rất cần thiết cho giai đoạn mới của xứ sở, cái nôi của Đội Hoàng Sa đã sớm ổn định tình hình. Tháng giêng năm Ất Hợi (1815), vua Gia Long đã quyết định “sai bọn Phạm Quang Ảnh, thuộc đội Hoàng Sa ra Hoàng Sa xem xét đo đạc thủy trình” (Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ, quyển 50, tờ 6a).

Theo Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ, quyển 52, từ năm 1816 vua Gia Long đã bắt đầu cho thủy binh đi công tác Hoàng Sa, cùng với đội dân binh Hoàng Sa ở Quảng Ngãi đi ra Hoàng Sa xem xét và đo đạc thủy trình (Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhất kỷ).

Sang đến đời Minh Mệnh, việc đo đạc thủy trình chủ yếu giao cho thủy quân có trách nhiệm thực hiện và thuê thuyền của dân và người lái thuyền ở Quảng Ngãi đi ra Hoàng Sa, Trường Sa.

Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhị kỷ, quyển 165: “Xem từ năm nay về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng, chọn phái thủy quân biên binh và giám thành đáp một chiếc thuyền ô nhằm thượng tuần tháng hai thì đến Quảng Ngãi, giao cho 2 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, thuê 4 chiếc thuyền của dân hướng dẫn ra xứ Hoàng Sa”.

Đo đạc thủy trình hay hải trình là đo đạc đường đi ngoài biển. Đây là một trong những nhiệm vụ của Bộ Công cốt để đảm bảo an toàn cho các thuyền bè đi trên biển, trong đó có vùng biển Hoàng Sa .

Mỗi lần đi đo đạc phải chọn được thợ lái có năng lực, biết được các nơi đường biển nông sâu, khó dễ, cát ngầm, đá mòm mà tránh, còn phải biết lấy núi nào làm chuẩn, biết chiều trời, tiết giá để chuyển phương hướng, nên tiến hay dừng. Theo sách Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, quyển 220, của triều Nguyễn thì Bộ Công cho rằng người nào mười phần am hiểu thông thạo thì cho vào hạng ưu, thạo tám chín phần là hạng bình, thạo năm sáu phần là hạng thứ, chằm chước bàn định, ai đáng đề bạt bổ nhiệm làm chánh đội trưởng, ngoại ủy đội trưởng, ai đáng cấp

tiền gạo gấp đôi... thì kê sách tâu rõ đội chỉ gia ân. Những lời dụ và bàn được chuẩn y như sau: "Thơ lại thủy sư thì cửa biển hiểm hay dễ, xem giá, trông khí trời, nghiên núi, dò nước, nhìn kiếm tìm hướng, nhớ ra địa cầu, ai được mười phần am hiểu thông thuộc là hạng ưu, ai được tám chín phần là hạng bình, ai được có năm sáu phần là hạng thứ. Các tên dư hạng ưu mà nguyên là chánh đội trưởng thì đề bạt bổ nhiệm làm cai đội, nguyên là đội trưởng thì đề bạt bổ nhiệm làm chánh đội trưởng suất đội, ai là ngoại ủy đội trưởng thì đề bạt bổ nhiệm làm đội trưởng, gặp khi có khuyết thì ưu tiên bổ nhiệm ngay".

Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, quyển 220, cũng chép: “Nhu trong một năm, sai phái đường bể nhiều lần, được xong xuôi ổn thoả cả, hoặc trong một lần mà đi ngoại quốc, cũng là không phái ra ngoại quốc mà hằng gặp sóng gió khác thường, thuyền rất nguy khốn, mà tự mình chủ trì tiến ngừng phải tốt, rốt cuộc được xong xuôi yên ổn thì đều là hạng ưu. Phạm trong năm ấy sai phái đường bể hai lần, không cứ xa gần, được xong xuôi yên ổn cả thì là hạng bình. Sai phi đường bể một lần xong xuôi yên ổn là hạng thứ. Phái đi không được xong xuôi yên ổn là hạng liệt”.

Trên đây là quy định chung cho thủy quân đi biển, thủy quân vừa có dịp để khảo hạch và cũng là dịp luyện tập thủy quân, căn cứ vào đó mà thưởng phạt. Có thể đối với việc đo đạc ở Hoàng Sa, thưởng phạt đặc biệt hơn. Vì thế từ thời vua Minh Mệnh năm thứ 17, việc phái thủy quân ra Hoàng Sa hàng năm rất đều đặn. Cũng có khi vì giá buốt phải đình lại, sau lại tiếp tục. Như năm Thiệu Trị thứ 5 (1845) có dụ chỉ của vua Thiệu Trị đình hoãn, đến năm Thiệu Trị thứ 6 (1846) cũng cho đình hoãn do Bộ Công tâu xin hoãn.

Thời gian đi vãng thám, đo đạc ở Hoàng Sa đầu triều Nguyễn theo lệ khởi đi vào mùa Xuân, song cũng tùy năm sớm trễ khác nhau. Từ kinh thành Huế, thủy quân đến Quảng Ngãi nghỉ ngơi và chuẩn bị cũng mất một thời gian đáng kể. Như năm Minh Mệnh 19 (1838) lúc đầu ấn định khởi hành hạ tuần tháng 3, nhưng vì gió Đông nổi lên liên tục kèm theo mưa lớn, tới hạ tuần tháng 4 vẫn chưa khởi hành được. Lúc đầu kế hoạch tính đo đạc giáp vòng Hoàng Sa từ hạ tuần tháng 3 đến hạ tuần tháng 6 là hoàn tất công việc. Sau dù có đi trễ nhưng thời gian hoàn tất tháng 6 vẫn không thay đổi.

Nếu chậm trễ mà có lý do chính đáng thì không sao, song nếu tùy tiện thì bị phạt, hay làm không chu tất cũng bị phạt. Nếu hoàn tất tốt đều được thưởng. Trong khi năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), cai đội Phạm Văn Nguyên trên đường công tác đi Hoàng Sa về chậm trễ, đã có chỉ giao Bộ Công trị tội và bị phạt 80 trượng, song cho phục chức cai đội. Tộc họ Phạm Văn hiện có nhà thờ họ và lăng mộ tộc họ ở thôn Đông xã Lý Vĩnh (trước đây là phường An Vĩnh). Hiện có hàng trăm hậu duệ đang sống tại huyện đảo Lý Sơn. Các viên giám thành Trần Văn Vân, Nguyễn Văn Tiện, Nguyễn Văn Hoàng vẽ họa đồ Hoàng Sa chưa chu tất cũng bị phạt mỗi người 80 trượng. Song cùng đi chuyến này những người trong đội Hoàng Sa như Võ Văn

Hùng (tộc họ Võ hiện còn từ đường ở thôn Tây, xã Lý Vĩnh, xưa là phường An Vĩnh, thuộc huyện đảo Lý Sơn), Phạm Văn Sanh (hiện họ Phạm Văn còn từ đường và khu "lăng" mộ ở thôn Đông, xã Lý Vĩnh, huyện đảo Lý Sơn) hướng dẫn, đo hải trình vất vả, được thưởng mỗi người 1 quan tiền Phi Long ngân tiền và bình thệ, dân phu 2 tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định đi theo cũng được thưởng mỗi người 1 quan tiền. Cũng thế, vào năm Minh Mệnh 18 (1837), do khởi hành chậm trễ, những người được kinh phái như thủy sư suất đội Phạm Văn Biện, tinh phái hướng dẫn Võ Văn Hùng, Phạm Văn Sanh (lần trước được thưởng) đều bị phạt. Trong khi các dân binh hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định đi theo vẫn được thưởng 2 quan tiền. Những chi tiết trên đã minh họa rất hùng hồn việc thực thi chủ quyền của Việt Nam trong việc đo đạc thủy trình và vẽ bản đồ.

Nhiệm vụ đo đạc ở Hoàng Sa được qui định cũng rất rõ ràng, có ghi trong Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhị kỷ, quyển 165, cũng như Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, quyển 221, như sau: “Không cứ đảo nào, cửa bể nào thuyền chạy đến, sẽ đo nơi ấy chiều dài, chiều ngang, bề cao, bề rộng, chu vi bao nhiêu, rà bên bờ nước bề nông hay sâu. Có cát ngầm, đá mỏm hay không, ở tình thế hiểm trở hay bình thường, xem đo tờ tường vẽ thành đồ bản, chiều khi khởi hành, do cửa bể nào ra bể, trông phương hướng nào mà lái đến nơi ấy, cứ theo đường thủy đã đi khấu tính ước được bao nhiêu dặm đường? lại ở chôn ấy trông vào bờ bể đối thẳng là tỉnh hạt nào? và phương hướng nào? Ước lượng cách bờ bao nhiêu dặm đường? Ghi nói minh bạch trong họa đồ để về trình lên. Lại từ năm nay trở về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng, chiếu theo lệ ấy mà làm”.

Như thế việc đo đạc phải kết hợp với việc vẽ họa đồ mà người vẽ họa đồ lại là các viên giám thành.

Việc đo đạc để vẽ bản đồ về Hoàng Sa dưới triều Nguyễn đã được bắt đầu từ thời Gia Long 14 (1815), song đến đời Minh Mệnh mới được thúc đẩy mạnh. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835) các viên giám thành Trần Văn Vân, Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Văn Hoàng vẽ họa đồ Hoàng Sa chưa chu tất đã bị phạt mỗi người 80 trương như đã nêu trên. Tầu của Bộ Công vào năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) cũng chỉ vẽ được một nơi và cũng chưa biết rõ nên làm thế nào.

Theo dụ vua Minh Mệnh ngày 13 tháng 7 năm thứ 18 (1837), thủy quân đi Hoàng Sa vẽ thành đồ bản 11 nơi, tuy nhiên chưa được chu đáo lắm. Theo Tầu Bộ Công ngày 21 tháng 6 Minh Mệnh thứ 19 (1838), thủy quân đệ trình sau khi đo đạc 3 nơi với 12 hai đảo đã vẽ được 4 bức đồ bản, 3 bức vẽ riêng và 1 bức vẽ chung, song cũng chưa vẽ rõ ràng lắm, Bộ Công phải yêu cầu vẽ lại tinh vi hơn.

Kỹ thuật đo đạc và vẽ bản đồ Hoàng Sa của Việt Nam vào thời kỳ nhà Nguyễn tuy có kỹ, chu đáo hơn trước, song vẫn còn lạc hậu so với kỹ thuật tân tiến của phương Tây lúc bấy giờ, nhất là chưa xác định được tọa độ theo kinh độ và vĩ độ trên toàn địa cầu. Vì thế, các hải đồ tuy có nhiều chi tiết, song không phải chỉ có hải đồ là có thể đi biển chính xác mà lúc nào cũng cần đến những người từng trải

đã từng lái thuyền đến các vùng biển đã đi qua. Các hải đồ về Hoàng Sa vốn được các giám thành vẽ hoặc được lưu ở vệ giám thành, hoặc ở thủy quân. Lực lượng thủy quân làm nhiệm vụ xác lập và thực thi chủ quyền này là một “lực lượng đặc nhiệm” gồm kinh phái, tỉnh phái và dân binh địa phương trong đó có dân binh Đội Hoàng Sa. Kinh phái đứng đầu là thủy quân cai đội hay thủy quân chánh đội trưởng chỉ huy cùng với lực lượng thủy quân lầy trong vệ thủy quân đóng ở kinh thành hay ở cửa Thuận An. Ngoài thủy quân kinh phái còn các viên giám thành trong vệ giám thành, là những người vẽ bản đồ như đã trình bày ở trên. Tỉnh phái là các viên chức ở tỉnh Quảng Ngãi có nhiệm vụ phối hợp với kinh phái trong công tác hướng dẫn, cung cấp dân công, lo xây dựng, đồng thời còn điều động binh dân ở tỉnh Quảng Ngãi, có khi gồm cả dân binh tỉnh Bình Định như trong chuyến công tác năm 1835 và 1837 đã dẫn trên đây.

Nhiệm vụ của “lực lượng đặc nhiệm” luôn được Hoàng đế Việt Nam theo sát và ra chỉ dụ cụ thể, nhất là dưới triều vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, cho ta thấy nhiệm vụ của lực lượng đặc nhiệm này quan trọng đến chừng nào.

Cũng chính vua Minh Mệnh ra chỉ dụ nói rõ việc làm cụ thể của từng chuyến đi. Như năm Minh Mệnh thứ 17 (1836), Bộ Công tâu trình lên vua về chuyến viếng thăm Hoàng Sa của thủy quân, chính đội trưởng Phạm Hữu Nhật, vua Minh Mệnh phê sửa (châu cải): “Báo gấp cho Quảng Ngãi thực thụ ngay, giao cho tên ấy (Phạm Hữu Nhật) nhận biên” và rồi vua Minh Mệnh lại phê (châu phê): “Thuyền nào đi đến đâu, cắm mốc tới đó để lưu dấu”.

Cũng chính vua Minh Mệnh đã lệnh cho các chuyến đi công tác Hoàng Sa và đã nhiều lần ra chỉ dụ thưởng phạt. Thường dân binh Đội Hoàng Sa, Quảng Ngãi, Bình Định luôn được thưởng 1 hay 2 quan tiền và miễn thuế vì sự cực khổ vất vả theo đoàn. Còn các viên chỉ huy như cai đội, chánh suất đội, các viên chức tỉnh phái mà chậm trễ đều bị tội.

Các chuyến đi công tác ở Hoàng Sa cũng được tổ chức chuẩn bị kỹ lưỡng. Chỉ đạo ở trên có Hoàng đế và Bộ Công, thi hành có vệ thủy quân là chính, phối hợp với vệ giám thành và tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định.

Thời gian chuẩn bị, từ năm Minh Mệnh thứ 17 (1836) Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhị kỷ, quyển 154, có ghi rõ: “Xem từ năm nay về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng giêng, chọn phái thủy quân biên binh và giám thành đáp 1 chiếc thuyền ô, nhằm thượng tuần tháng hai thì đến Quảng Ngãi, giao cho 2 tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định thuê 4 chiếc thuyền của dân hướng dẫn ra xứ Hoàng Sa”. Như thời gian hàng năm chuẩn bị từ hạ tuần tháng giêng (tháng 2 dương lịch) đến thượng tuần tháng hai (tháng 3 dương lịch) thì có mặt ở Quảng Ngãi, để sang tháng 3 âm lịch (tháng 4 dương lịch) là lúc biển yên nhất thì khởi hành đi Hoàng Sa.

Từ Quảng Ngãi, phải thuê 4 chiếc thuyền của dân. Đó là loại thuyền câu, song nhẹ và nhanh hơn, nhỏ hơn thuyền Điều hải thuộc thủy quân ở các tỉnh. Sở dĩ phải

thu vì thuyền của dân binh Đội Hoàng Sa vốn nhanh nhẹ, dễ dàng cập đổ bộ vào đất liền, dễ dàng tránh né các bãi ngầm, các thủy thủ lại quá quen thuộc, chưa kể thuyền ít người mang lương thực cung cấp cho sáu tháng dễ dàng hơn và việc bắt chim, đánh cá để tự cung cấp dưỡng cũng không còn là vấn đề lớn, để dành thời giờ làm việc, đi thu lượm hải vật quý, lấy hàng hoá, súng ống từ tàu đắm. Tài liệu không cho biết rõ thuyền ô có đi theo ra Hoàng Sa hay không. Song ít nhất lực lượng thủy quân trên có 4 chiếc thuyền câu. Cũng có năm đi 5 thuyền thì có thể cả thuyền ô khi lực lượng thủy quân đặc nhiệm này kết hợp với công tác của Đội Hoàng Sa. Và như vậy sau này người ta không thấy sử sách nói nhiều về Đội Hoàng Sa nữa vì lực lượng thủy quân đặc nhiệm này trở thành lực lượng chủ yếu và thường xuyên của Nhà nước Việt Nam.

Đến đời vua Minh Mệnh, thủy quân mới được tổ chức thật qui củ, ngoài nhiệm vụ đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ còn cắm cột mốc, dựng bia chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đại Nam nhất thống chí, quyển 6, đã ghi chép rằng trước năm Minh Mệnh thứ 16, nhà vua sai quân lính ra dựng bia đá làm dấu đã thấy phía Tây Nam đảo có ngôi cổ miếu, không biết kiến thiết vào thời đại nào và có bia khắc bốn chữ “Vạn Lý Ba Bình”. Như thế trước thời Minh Mệnh đã có việc khắc bia, dựng miếu rồi.

Đến năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), vua Minh Mệnh đã chỉ thị cho Bộ Công sang năm Minh Mệnh thứ 15 (1834) phái người ra dựng bia chủ quyền. Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển 165, cũng đã chép rất rõ từ năm Minh Mệnh thứ 17 (1836), Bộ công tâu Vua, cứ hàng năm, cử người ra Hoàng Sa ngoài việc đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ và còn cắm cột mốc, dựng bia.

Tập tấu của Bộ Công ngày 12 tháng 2 năm Minh Mệnh 17 (1836) với lời châu phê của vua Minh Mệnh cũng đã nêu rất rõ: “Mỗi thuyền vãng thám Hoàng Sa phải đem theo 10 tấm bài gỗ (cột mốc) dài 4, 5 thước, rộng 5 tấc”. Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhị kỷ, quyển 6 còn ghi rõ: “Vua Minh Mệnh đã y theo lời tâu của Bộ Công sai suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật đưa binh thuyền đi, đem theo 10 cái bài gỗ dựng làm dấu mốc. Mỗi bài gỗ dài 5 thước rộng 6 tấc và dày 1 tấc, mặt bia khắc những chữ: “Minh Mệnh Thập Thất Niên Bính Thân thủy quân chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật phụng mệnh vãng Hoàng Sa tương đồ chí thử, hữu chí đăng tư (tờ 25b)”. (Năm Minh Mệnh thứ 17, năm Bính Thân, thủy quân chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật, vãng mệnh ra Hoàng Sa xem xét đo đạc, đến đây lưu dấu để ghi nhớ).

Mỗi năm cột mốc đều khắc rõ niên hiệu, năm, chức vụ, họ tên viên chỉ huy “lực lượng thủy quân đặc nhiệm”, được phụng mệnh ra Hoàng Sa và ghi dấu để nhớ. Nếu chỉ tính sử sách có ghi rõ tên những người chỉ huy đội thủy quân đặc nhiệm của các năm cụ thể thời Minh Mệnh như cai đội thuyền Phạm Văn Nguyên năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật năm

Minh Mệnh thứ 17 (1836), thủy sư suất đội Phạm Văn Biện năm Minh Mệnh thứ 18 (1837), thì số đảo được đánh mốc cũng rất nhiều.

Các vị vua chúa Việt Nam, nhất là thời vua Minh Mệnh, rất quan tâm đến việc dựng chùa miếu và trồng cây tại quần đảo Hoàng Sa. Năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), vua đã chuẩn y lời tâu của Bộ Công cho tỉnh Quảng Ngãi cất miếu Hoàng Sa một gian, bằng đá. Việc dựng miếu này theo Đại Nam thực lục chính biên, đệ nhị kỷ, quyển 154, đã cho biết năm Minh Mệnh thứ 15 (1834) đã không thực hiện việc xây dựng miếu như dự kiến mà mãi đến đầu tháng 6 mùa hạ, năm Minh Mệnh thứ 16 (1835), vua Minh Mệnh đã cử cai đội thủy quân là Phạm Văn Nguyên đem lính và giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định, chuyên chở vật liệu đến dựng miếu cách toà miếu cổ 7 trượng. Bên trái miếu, phía trước miếu xây bình phong.

Thường ba mặt miếu Hoàng Sa bên trái, bên phải và đằng sau đều trồng các loại cây. Theo Việt Sử cương giám khảo lược của Nguyễn Thông, thì các quân nhân đến đảo thường đem những hạt quả thủy nam mà rải ở trong và ngoài miếu, mong cho mọc cây để tìm dấu nhận. Thời gian hoạt động hàng năm của thủy quân vào cuối mùa khô, kéo dài sang mùa mưa nhiều tháng trời, rất thuận lợi cho việc gieo hạt trồng cây. Ý của vua Minh Mệnh sai trồng cây cũng cho rằng gần đây thuyền buôn thường bị hại, nên trồng cây cũng cốt làm dấu để cho tàu thuyền dễ nhận biết mỗi khi qua lại.

Như thế suốt hơn hai thế kỷ, từ đầu thế kỷ XVII thời các chúa Nguyễn đến nửa đầu thế kỷ XIX thời nhà Nguyễn, Đội Hoàng Sa kiêm quản đội Bắc Hải, đã làm nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Hoàng Sa và Trường Sa. Những hoạt động này đã được các văn bản nhà nước như Châu bản của Triều đình nhà Nguyễn cũng như các văn bản chính quyền địa phương như tờ lệnh, tờ tư, bằng cấp... hiện đang được lưu giữ tại các Cơ quan lưu trữ có liên quan.

Trong giai đoạn lịch sử này, có một yếu tố hết sức quan trọng không thể không đề cập đến khi khẳng định rằng Nhà nước Việt Nam đã quản lý một cách thật sự và có hiệu quả đối với Hoàng Sa; đó là việc tổ chức đơn vị hành chính của quần đảo Hoàng Sa trong hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước Việt Nam thời bấy giờ. Trong suốt thời kỳ chúa Nguyễn, Hoàng Sa là đơn vị hành chính thuộc Thừa Tuyên Quảng Nam, hay Quảng Nghĩa hay Ngãi, lúc là phủ, khi là trấn, trong thực tế tự trị của Xứ Đàng Trong. Bởi từ khi Nguyễn Hoàng trở lại trấn thủ Thuận Quảng (năm 1600) cho tới khi chúa Nguyễn Phúc Khoát (1738 - 1765) xưng vương năm 1744, trên danh nghĩa chúa Nguyễn vẫn là quan trấn thủ Thừa Tuyên Quảng Nam của Đại Việt, do vua Lê trị vì. Như thế mọi hành động xác lập chủ quyền của các chúa Nguyễn vẫn dưới danh nghĩa nước Đại Việt. Như thế, Phủ Quảng Nghĩa có huyện Bình Sơn (trước đó là huyện Bình Dương) quản lý xã An Vĩnh. Toàn tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư hay Toàn tập An Nam lộ đã ghi "Bãi Cát Vàng (Hoàng Sa) trong phủ Quảng Nghĩa". Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn chép "Hoàng Sa ở

phủ Quảng Nghĩa (thuộc dinh Quảng Nam) huyện Bình Sơn, xã An Vĩnh” Địa Dư Chí của Phan Huy Chú chép "Hoàng Sa ở trấn Quảng Nghĩa". Sang thời Tây Sơn từ 1773, phủ Quảng Nghĩa được đổi thành phủ Hoà Nghĩa.

Sang thời nhà Nguyễn, năm 1801, Hoà Nghĩa đã được gọi lại với tên Quảng Nghĩa, (cùng nghĩa với Ngãi đọc chệch). Tại phủ Quảng Nghĩa ngoài viên tuần phủ, khánh lý, còn có một viên chính hộ lý, một viên đề lãnh, một viên ký lục, một viên cai phủ và một viên thư ký. Sau Quảng Nghĩa trở thành trấn, rồi tỉnh. Năm 1829, tiếp tục quản lý xã An Vĩnh. Dần dần xã An Hải phía Bắc cửa biển Sa Kỳ cũng cung cấp lính Hoàng Sa. Dân hai làng hay xã An Vĩnh, An Hải di dân ra Cù Lao Ré lập 2 phường An Vĩnh và An Hải mà Nguyễn Thông gọi là hai hộ An Vĩnh, An Hải. Đến đầu triều Nguyễn, khi dân hai phường Cù Lao Ré phát triển, xin tách khỏi hai làng cũ ở đất liền trở thành nơi cung cấp chính dân binh cho Đội Hoàng Sa. Chính Phạm Quang Ảnh được cử làm đội trưởng Đội Hoàng Sa năm 1815 là người thôn An Vĩnh ở đảo Cù Lao Ré, nay thuộc thôn Đông, xã Lý Vĩnh thuộc huyện đảo Lý Sơn. Nhiều tài liệu như Việt sử cương giám khảo lược của Nguyễn Thông và Đại Nam nhất thống chí của Quốc sử quán triều Nguyễn đã xác nhận Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Hoàng Sa là nơi hiểm yếu và rộng lớn, nên phủ, rồi trấn, rồi tỉnh Quảng Nghĩa là đơn vị hành chính luôn trực tiếp can thiệp vào những hoạt động có định kỳ hàng năm của Đội Hoàng Sa để có phương tiện tốt và đảm bảo những yêu cầu của chính quyền Trung ương ở Phú Xuân gọi là chính dinh, thủ phủ của xứ Đàng Trong hay kinh đô của triều Nguyễn sau này.

II. Với tư cách đại diện cho Việt Nam về đối ngoại, Cộng hòa Pháp tiếp tục khẳng định, quản lý và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại Hoàng Sa trong thời kỳ Pháp thuộc (1884 đến 1945)

Với tư cách đại diện cho Việt Nam về đối ngoại theo Hiệp ước Patenôtre năm 1884, chính quyền thuộc địa Pháp đã có những hành động cụ thể để củng cố, khẳng định và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Bức thư của lãnh sự Pháp Beauvais ở Quảng Châu gửi Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp ngày 04 tháng 5 năm 1909 đã nêu ý đồ của Trung Quốc xâm phạm chủ quyền Hoàng Sa của Việt Nam đã viết: "Như tôi đã trình bày với ông khi kết thúc bản báo cáo gần đây của tôi (số 86 ngày 01 tháng 5 năm 1909) về vấn đề các đảo Pratas, vấn đề này khiến chính phủ Trung Quốc chú ý đến các nhóm đảo khác nằm dọc bờ biển của Thiên Triều và tới một mức độ nhất định có thể được coi như một bộ phận của Thiên triều, trong đó có quần đảo Paracels".

Cũng trong thư trên đề ngày 04 tháng 5 năm 1909, lãnh sự Pháp ở Quảng Châu gửi cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp có một số nội dung đáng lưu ý sau đây:

- Do ảnh hưởng của việc Nhật chiếm Pratas, Trung Quốc muốn bắt đầu chiếm luôn quần đảo Paracels gần Hải Nam.

- Cuộc khảo sát trái phép đầu tiên là của Đoàn Ngô Kính Vinh đã cho thấy ở mỗi đảo Hoàng Sa đều có một ngôi miếu nhỏ xây kiểu nhà đá (tất cả tường mái là đá san hô và vỏ sò).

- Các ngư dân Việt Nam mang cả vợ con đến sống ở Hoàng Sa, bị đối xử tàn tệ, vợ con bị bắt đến Hải Nam.

P.A. La Picque hồi năm 1909 đang cư trú ở Hồng Kông đã thuật lại cuộc khảo sát Hoàng Sa của chính quyền tỉnh Quảng Đông năm 1909 như sau:

"Vào cuối tháng 5 năm 1909, hai pháo hạm nhỏ ở Quảng Châu chuẩn bị ra khơi, trên tàu có hai người Đức thuộc Maison Carlwitz, ngoài ra còn có các thủy thủ Trung Quốc, trong đó hình như có một đô đốc "đường sông", nếu như hạm đội nhỏ đó, nhờ có đất liền che chắn, đến được cảng Du Lâm, một cảng ở phía nam đảo Hải Nam một cách khá dễ dàng, thì nó vẫn bị nghẽn ở đó đến nửa tháng, chắc là để chờ ra khơi thì các đợt gió "Fong - sami" trở nên thuận lợi và thường làm cho các nhà hàng hải dững cảm đỡ say sóng".

"Cuối cùng, ngày 06 tháng 6 năm 1909 (tức là ngày 19 âm lịch) phái đoàn trông thấy một đảo trong quần đảo Paracel rồi thăm vài đảo, và đến ngày 07 tháng 6 năm 1909, lúc 4 giờ chiều, hai pháo hạm thẳng đường quay lại Quảng Châu như tờ báo Kono Che pao (tờ báo lớn nhất Quảng Châu) cho biết trong một bài báo ngày 20 tháng 6 năm 1909".

Năm 1925, theo Khâm Sứ Trung kỳ LeFol viết trong thư ngày 22 tháng 01 năm 1926 gửi cho Toàn quyền Đông Dương, người Pháp bắt đầu nghiên cứu sâu quá trình xác lập chủ quyền của "vương quốc Việt Nam" tại quần đảo Hoàng Sa, trước khi cử ông Giám đốc Viện Hải dương học và Nghề cá ở Nha Trang - ông M.A. Krempt đi thám sát Hoàng Sa.

Qua kết quả nghiên cứu tìm hiểu về Hoàng Sa, Khâm sứ Trung kỳ LeFol trong thư ngày 22 tháng 01 năm 1929 gửi Toàn quyền Đông Dương cho biết: "Trong tác phẩm (Géographie de la Cochinchine được dịch ra Tiếng Anh và đăng trong tạp chí Journal de la Société Asiatique de Bengale năm 1838, đức cha Jean Louis Taberd, giám mục Ismaropolis (Khâm Mạng toà thánh tại Nam kỳ, Cao Miên và Champa) đã kể lại việc Hoàng đế Gia Long đã chiếm hữu quần đảo Paracels năm 1816 và long trọng kéo lá cờ Nam kỳ trên quần đảo. Việc chiếm hữu đó đã được các Biên niên sử của chính quyền An Nam hay Đại Nam nhất thống chí, Nam Việt địa dư tập 2 hay Địa dư nước An Nam, xuất bản năm thứ 14 đời Minh Mệnh và cuối cùng "Đại Nam nhất thống chí" quyển 6 hay "Địa dư Duy Tân"; "các tài liệu trong kho lưu trữ của chính phủ An Nam cung cấp cho ta những chi tiết về hoạt động của đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải đặt dưới quyền chỉ huy của đội Hoàng Sa".

Và cũng chính trong bức thư kể trên, ông LeFol đã cho biết trước khi mất, ông Thân Trọng Huề, Thượng thư Bộ Binh của triều đình Huế đã viết một văn thư ngày 03 tháng 3 năm 1925 khẳng định rằng: "Các đảo nhỏ đó bao giờ cũng là sở hữu của nước An Nam, không có sự tranh cãi trong vấn đề này".

Người Pháp cho rằng Hoàng Sa vốn đã thuộc chủ quyền Việt Nam, không cần một hành động chiếm hữu chủ quyền trên quần đảo Hoàng Sa nữa, nên Viện Hải dương học và Nghề cá Nha Trang (L'institut Océanographique de Nha Trang) đã thực hiện cuộc khảo sát đầu tiên năm 1925 bởi tàu khảo sát kéo lưới Chalutier De Lanessan do M.A. Krempt, giám đốc, cùng các nhà khoa học như De La Cour, Jabouille.

Các cuộc khảo sát chủ yếu nghiên cứu về những ám tiêu của các bãi ngầm ở Hoàng Sa. Từ đó tác giả đưa ra lập luận giải thích về sự hình thành các ám tiêu cùng với ảnh hưởng của gió mùa.

Ngày 08 tháng 3 năm 1925, Toàn quyền Đông Dương đã tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Pháp.

Tháng 19 tháng 3 năm 1926, Thống đốc Nam kỳ cấp giấy phép nghiên cứu mỏ ở đảo Trường Sa cho Công ty Phosphat mới của Bắc kỳ.

Trong thư ngày 20 tháng 3 năm 1930, Toàn quyền Đông Dương gửi cho Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp cũng đã xác nhận rằng: "Tôi hoàn toàn đồng ý với những người viết thư cho ông là cần thừa nhận lợi ích nước Pháp có thể có trong việc nhận danh An Nam, đòi chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa". Câu này trong bản ghi chú cho Vụ Châu Á Đại Dương ngày 15 tháng 5 năm 1950, Cố vấn Pháp Luật Bộ Ngoại giao Pháp đã viết rất rõ: "Việc chiếm hữu quần đảo Spartley do Pháp tiến hành năm 1931 - 1932 là nhân danh Hoàng đế "An Nam". Trong trường hợp này cái danh nghĩa duy nhất mà Pháp đòi hỏi ở đây là việc thực thi chủ quyền có từ trước, là những danh nghĩa của "An Nam", và với tư cách là nước bảo hộ, chịu trách nhiệm về các quan hệ đối ngoại của "An Nam", Pháp có thể sử dụng các quyền đó để chặn các nước thứ ba, và có thể nhận được xét xử quốc tế việc thừa nhận các quyền nói trên.

Nếu các quan hệ điều ước giữa Pháp và "An Nam" vẫn được xác định bởi Hiệp ước Bảo hộ được ký ở Huế ngày 06 tháng 6 năm 1884 thì về phương diện này không thể xuất hiện bất kỳ khó khăn nào; và chính phủ Pháp có quyền bằng cách hành động với danh nghĩa nước bảo hộ, thay mặt nước bị bảo hộ thì hành các thẩm quyền mà nước bị bảo hộ này không thể thi hành. Tại công văn số 704-A.ex, Toàn quyền Đông Dương gửi Bộ trưởng Bộ Thuộc địa báo cáo về lập trường của Phủ toàn quyền đối với việc chính quyền địa phương Quảng Đông đòi chủ quyền đối với Hoàng Sa, trong đó nhấn mạnh việc thương lượng giữa Pháp với một chính quyền không có quyền hành gì ở miền Nam Trung Quốc là không thích hợp, và chắc chắn sẽ thất bại.

Ngày 04 tháng 01 năm 1932, Chính phủ Pháp gửi Công hàm tới Công sứ quán Trung Quốc tại Paris khẳng định chủ quyền của Pháp đối với Hoàng Sa và đề nghị giải quyết tranh chấp thông qua đàm phán hữu nghị hoặc bằng phương thức Trọng tài quốc tế. Công hàm ngày 04 tháng 01 năm 1932 của Trung Quốc trả lời Công hàm của Pháp đã khước từ đề nghị giải quyết tranh chấp chủ quyền Hoàng Sa bằng phương thức Trọng tài quốc tế. Trung Quốc lập luận rằng khi vua Gia Long chiếm hữu quần đảo ấy, Việt Nam là một nước chư hầu của Trung Quốc.

Ngày 24 tháng 4 năm 1932, Chính phủ Pháp phản đối Chính phủ Trung Quốc về việc nhà cầm quyền Quảng Đông dự định cho đấu thầu khai thác phốt phát ở quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 29 tháng 9 năm 1932, Chính phủ Pháp đã có kháng nghị nêu rõ các danh nghĩa lịch sử và các bằng chứng về sự chiếm hữu của Annam, sau đó là Pháp, đối với Hoàng Sa.

Ngày 18 tháng 02 năm 1937, một lần nữa, Pháp chính thức yêu cầu Trung Quốc áp dụng phương thức Trọng tài quốc tế để xác định chủ quyền quần đảo Hoàng Sa, phía Trung Quốc lại khước từ.

Ngày 26 tháng 11 năm 1937, Pháp phái kỹ sư trưởng công chính J.Gauthier ra Hoàng Sa để nghiên cứu tìm địa điểm xây dựng đèn biển, bãi đỗ cho thủy phi cơ và các điều kiện định cư ở quần đảo này.

Năm 1938, Pháp bắt đầu phái các đơn vị bảo an tới các đảo và xây dựng một hải đăng, một trạm khí tượng (OMM đăng ký số 48860) đặt ở đảo Hoàng Sa và số 48859 ở đảo Phú Lâm, một trạm vô tuyến TSF trên đảo Hoàng Sa.

Ngày 30 tháng 3 năm 1938, Vua Bảo Đại ký dụ số 10 sáp nhập Hoàng Sa vào tỉnh Thừa Thiên thay vì Nam Ngãi như các Triều trước.

Ngày 15 tháng 6 năm 1938, Toàn quyền Đông Dương Jules Brévié ký Nghị định số 156-S-V thành lập đơn vị hành chính ở quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên.

Tháng 6 năm 1938, một đơn vị lính bảo an Việt Nam được phái ra đồn trú tại quần đảo Hoàng Sa. Một bia chủ quyền được dựng trên đảo Hoàng Sa, với dòng chữ: “République Francaise - Royaume d’Annam - Archipels des Paracels 1816 - Ile de Pattle 1938”.

Trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, Nhật Bản đã ráp tâm biên các quần đảo trong Biển Đông trở thành bàn đạp để mở rộng sự chiếm đóng của mình xuống khu vực Đông Nam châu Á, ngày 31 tháng 3 năm 1939, Nhật tuyên bố sáp nhập các quần đảo trong Biển Đông vào các vùng lãnh thổ mà Nhật đã chiếm đóng. Ngày 04 tháng 4 năm 1939, Chính phủ Pháp gửi Công hàm phản đối các quyết định nói trên của Nhật và bảo lưu các quyền của Pháp tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 05 tháng 5 năm 1939, Toàn quyền Đông Dương J. Brevie ký Nghị định số 3282 tách đơn vị hành chính Hoàng Sa thành hai đơn vị hành chính: ‘Croissant và các đảo phụ thuộc’, ‘Amphitrite và các đảo phụ thuộc’.

Ngày 26 tháng 11 năm 1943, Tuyên bố Cairo về việc kết thúc chiến tranh với Nhật và giải quyết các vấn đề sau chiến tranh, trong đó có vấn đề lãnh thổ nước khác bị quân Nhật chiếm đóng: ‘Mục đích của 3 nước là Nhật Bản phải bị loại ra khỏi tất cả các quần đảo ở Thái Bình Dương mà Nhật Bản đã cướp hoặc chiếm đóng từ khi bắt đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất năm 1914...’

Ngày 15 tháng 8 năm 1945, Nhật thua trận phải rút khỏi Đông Dương.

Ngày 26 tháng 7 năm 1945, Tuyên bố Posdam khẳng định ‘các điều khoản của Tuyên bố Cairo sẽ được thực hiện’.

Ngày 26 tháng 8 năm 1945, ngay sau khi Nhật đầu hàng, quân đội Nhật đã rút khỏi quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

III. Lợi dụng Việt Nam đang lo đối phó với sự trở lại của thực dân Pháp và lo kháng chiến chống Pháp, quân Tưởng Giới Thạch, và sau đó là quân của CHND Trung Hoa đã tiến hành chiếm đóng các đảo ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (1946 - 1956)

Vào lúc quân đội viễn chinh Pháp và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đang bận đối phó với cuộc chiến tranh toàn diện sắp xảy ra, thì ngày 26 tháng 10 năm 1946, hạm đội đặc biệt của Trung Hoa Dân Quốc gồm 4 chiến hạm, mỗi chiếc chở một số đại diện của các Bộ và 59 binh sĩ cảnh vệ của Hải quân lấy cớ giải giáp quân Nhật ra chiếm các đảo ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ngày 29 tháng 11 năm 1946, các tàu Vĩnh Hưng và Trung Kiên tới đảo Hoàng Sa và đổ bộ lên đây. Tàu Thái Bình và Trung Nghiệp đến Trường Sa.

Cũng trong thời gian này, một công chức, tên là Bai Meichu, của chính quyền Đài Loan đã vẽ và xuất bản bản đồ ‘Nam Hải chư đảo’; trong đó, có thể hiện đường biên giới biển bao trùm khoảng 80% diện tích Biển Đông, thường được gọi là đường biên giới ‘lưỡi bò’ mà không dựa vào bất cứ một tiêu chuẩn nào theo luật pháp và thực tiễn quốc tế. Chính tác giả và nhiều học giả Trung quốc đã không thể đưa ra được bất kỳ lý do nào để biện minh cho đường biên giới biển đã được thể hiện một cách tùy tiện này.

Ngày 13 tháng 01 năm 1947, Chính phủ Pháp chính thức phản đối sự chiếm đóng bất hợp pháp của Trung Quốc đối với quần đảo Hoàng Sa; trong đó, Pháp đã nêu lên những bảo lưu về hậu quả pháp lý từ việc chiếm đóng quần đảo Hoàng Sa của quân đội Trung Hoa dân quốc, đồng thời nhắc lại đề nghị tìm giải pháp giải quyết tranh chấp bằng Trung tài và ngày 17 tháng 10 năm 1947 thông báo hạm Tonkinois của Pháp được phái đến Hoàng Sa để yêu cầu quân Trung Quốc rút khỏi Phú Lâm. Pháp gửi một phân đội lính, gồm 10 lính Pháp và 17 lính Việt Nam đổ bộ đóng một đồn ở đảo Hoàng Sa và quyết định lập đài khi tượng trên đảo này. Chính

phủ Trung Quốc phản kháng và các cuộc thương lượng được tiến hành từ ngày 25 tháng 02 đến ngày 04 tháng 7 năm 1947 tại Paris. Tại đây, chính phủ Trung Quốc đã từ chối không chấp nhận việc nhờ Trọng tài quốc tế giải quyết do Pháp đề nghị.

Trong hoàn cảnh lịch sử cuối năm 1946 đầu năm 1947, Việt Nam đã giành được độc lập từ năm 1945, không còn ràng buộc vào hiệp định Patenôtre (1884) với Pháp, song Pháp cho rằng theo Hiệp định sơ bộ ngày 06 tháng 3 năm 1946, Việt Nam Dân chủ Cộng hoà còn nằm trong khối Liên hiệp Pháp, về ngoại giao vẫn thuộc về Pháp, nên Pháp vẫn thực thi quyền đại diện Việt Nam trong vấn đề chống lại xâm phạm chủ quyền Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Với Hiệp định ngày 08 tháng 3 năm 1949, Pháp gây dựng được chính quyền thân Pháp còn gọi là Quốc gia Việt Nam do cựu hoàng Bảo Đại đứng đầu, đối đầu với chính quyền Cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, để củng cố cơ sở pháp lý hình thức trong quan hệ với Pháp, nhất là trên thực tế quân Pháp đang làm chủ Biển Đông, trong đó có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Năm 1949, Tổ chức khí tượng thế giới (OMM) chính thức công nhận các Trạm khí tượng do Pháp xây dựng và đăng ký vào Danh sách các Trạm khí tượng quốc tế, với các số hiệu: Trạm Phú Lâm số 48859, Trạm Hoàng Sa số 48860...

Ngày 08 tháng 3 năm 1949, Pháp ký với Bảo Đại Hiệp định Hạ Long trao trả độc lập cho Chính phủ Bảo Đại và tháng 4, Đồng lý Văn phòng, Hoàng thân Bửu Lộc tuyên bố khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa.

Ngày 01 tháng 10 năm 1949, Nước CHND Trung Hoa ra đời; Đơn vị đồn trú của Trung Hoa Dân quốc phải rút khỏi đảo Phú Lâm, trong khi đó Pháp vẫn duy trì quân đồn trú tại đảo Hoàng Sa.

Ngày 14 tháng 10 năm 1950, Chính phủ Pháp chính thức trao lại cho Chính phủ Bảo Đại việc quản lý và bảo vệ quần đảo Hoàng Sa. Tổng trấn Trung phần Phan Văn Giáo đã chủ trì việc bàn giao này.

Hội nghị San Francisco có 51 quốc gia tham dự từ ngày 05 tháng 9 đến ngày 08 tháng 9 năm 1951, ký kết hoà ước với Nhật. Ngày 05 tháng 9 năm 1951, tại phiên họp toàn thể mở rộng, Ngoại trưởng Gromyko (Liên Xô cũ) đã đưa đề nghị tu chỉnh 13 khoản của Dự thảo Hoà ước. Trong đó có nội dung: Nhật thừa nhận chủ quyền của Cộng Hoà Nhân dân Trung Hoa đối với đảo Hoàng Sa và những đảo xa hơn nữa ở phía Nam. Khoản tu chỉnh này đã bị Hội nghị bác bỏ với 48 phiếu chống và 3 phiếu thuận.

Ngày 07 tháng 9 năm 1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Trần Văn Hữu của Chính phủ Bảo Đại long trọng tuyên bố rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam: "Et comme il faut franchement profiter de toutes occasions pour étouffer les germes de discorde, nous affirmons nos droits sur les îles de Spratley et de Paracels qui de tout temps ont fait partie du Viet Nam". Không một đại biểu nào trong Hội nghị có ý kiến gì về Tuyên bố này. Kết thúc Hội

ngợi là ký kết Hoà ước với Nhật ngày 8 tháng 9 năm 1951. Trong Hoà ước này có điều 2, đoạn 7 ghi rõ: "Nhật Bản từ bỏ mọi quyền, danh nghĩa và tham vọng đối với các quần đảo Paracels và Spratly" (khoản f).

Ngày 24 tháng 8 năm 1951, lần đầu tiên Tân Hoa Xã lên tiếng tranh cãi về quyền của Pháp và những tham vọng của Philippines và kiên quyết khẳng định quyền của Trung Quốc.

Khi ra thông báo về bản Dự thảo Hoà ước với Nhật ở San Francisco, ngày 15 tháng 8 năm 1951, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa Chu Ân Lai ra tuyên bố công khai khẳng định cái gọi là "tính lâu đời của các quyền của Trung Quốc đối với quần đảo", trong khi Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và Trung Hoa Dân quốc không tham dự Hội nghị này.

Như thế, lợi dụng tình hình rối ren, Nhật đầu hàng đồng minh, quân Tướng Giới Thạch lợi dụng việc giải giáp quân Nhật từ vĩ tuyến 16 trở ra theo Hiệp định Postdam, đã đem quân chiếm giữ đảo Phú Lâm (Ile de Boisé) cuối năm 1946 thuộc quần đảo Hoàng Sa và đảo Ba Bình (Itu Aba) thuộc quần đảo Trường Sa vào đầu năm 1947. Đến năm 1950, khi lực lượng quân đội của Trung Hoa Dân quốc phải rút ra khỏi Hoàng Sa và Trường Sa và Hoà ước San Francisco buộc Nhật từ bỏ sự chiếm đóng hai quần đảo này, Thủ tướng, kiêm ngoại trưởng Trần Văn Hữu của chính phủ Bảo Đại, đã long trọng tuyên bố rằng hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam.

Hiệp định Genève ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954 chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, công nhận độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thống nhất của nước Việt Nam. Điều 1 qui định đường ranh tạm thời về quân sự được ấn định bởi sông Bến Hải (ở vĩ tuyến 17). Đường ranh tạm thời này cũng được kéo dài ra trong hai phần bằng một đường thẳng từ bờ biển ra ngoài khơi theo điều 4 của Hiệp định. Cũng theo điều 14 của bản Hiệp định, trong khi chờ đợi cuộc tổng tuyển cử đưa lại sự thống nhất cho Việt Nam, bên đương sự và quân đội do thoả hiệp tập kết ở khu nào sẽ đảm nhiệm việc hành chính trong khu tập kết đó. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở Biển Đông ở dưới vĩ tuyến 17 sẽ đặt dưới sự quản lý hành chính của Chính quyền Việt Nam Cộng hoà.

Tháng 4 năm 1956, khi quân viễn chinh Pháp rút khỏi Đông Dương, quân đội Quốc gia Việt Nam, sau gọi là Việt Nam Cộng hoà, đã chiếm đóng các đảo phía Tây của quần đảo Hoàng Sa, bao gồm đảo Hoàng Sa, với số quân là 40 người. Cũng trong thời gian này, Trung Quốc bí mật đưa quân ra chiếm đóng nhóm phía Đông quần đảo Hoàng Sa, trong đó có đảo Phú Lâm và Linh Côn. Ngày 01 tháng 6 năm 1956, Ngoại trưởng Việt Nam Cộng hoà Vũ Văn Mẫu ra tuyên bố tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

IV. Quân Pháp rút khỏi Việt Nam, sau khi thua trận Điện Biên Phủ, và trong thời kỳ Việt Nam chia đôi theo qui định của Hiệp định Genève khiến

Trung Quốc, Đài Loan, Philippines tranh chấp chủ quyền tại Hoàng Sa và Trường Sa thuộc quyền quản lý, bảo vệ của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa (1956 - 1975)

Việc Pháp thua trận ở Điện Biên Phủ và ký Hiệp định Genève 20 tháng 7 năm 1954, buộc quân Pháp phải rút lui khỏi Việt Nam tháng 4 năm 1956 và để khoảng trống bố phòng ở Biển Đông khiến các nước trong khu vực, trong đó có Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, Trung Hoa Dân quốc (Đài Loan) và Philippines, cho là cơ hội tốt để đưa lực lượng quân sự ra chiếm đóng trái phép một số đảo ở Hoàng Sa cũng như Trường Sa của Việt Nam. Tuy nhiên, Việt Nam Cộng hòa đã tích cực tổ chức các hoạt động nhằm quản lý và bảo vệ Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam:

Ngày 22 tháng 8 năm 1956, song song với việc đưa lực lượng hải quân ra quần đảo Trường Sa để chiếm giữ, bảo vệ quần đảo này trước những hoạt động xâm lấn của các lực lượng nói trên, Việt Nam Cộng hòa đã tổ chức một số hoạt động tại quần đảo Hoàng Sa, như: Tổ chức đoàn nghiên cứu thủy văn do Saurin dẫn đầu; cho phép kỹ nghệ gia Lê Văn Cang tiến hành khai thác phốt phat ở Hoàng Sa. Từ năm 1957, Bộ Tư lệnh Hải quân Việt Nam Cộng hòa đã cử một đại đội thủy quân lục chiến ra quản lý, bảo vệ quần đảo Hoàng Sa thay thế cho quân của đại đội 42 thuộc tiểu đoàn 142.

Ngày 21 tháng 02 năm 1959, CHND Trung Hoa cho một số lính đóng giả ngư dân bí mật đổ bộ lên các đảo Hữu Nhật, Duy Mộng, Quang Hòa nhằm đánh chiếm nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa. Lực lượng quân đội Việt Nam Cộng hòa đã phá tan được âm mưu này, 82 “ngư dân” và 5 thuyền đánh cá vũ trang đã bị bắt giữ và bị áp giải về giam tại Đà Nẵng, sau đó được trả cho Trung Quốc.

Năm 1960, Việt Nam Cộng hòa đã bổ nhiệm ông Nguyễn Bá Thước, cán bộ hành chính hạng I tại Tam Kỳ, Quảng Nam, nhận chức vụ Phái viên hành chính Hoàng Sa; ngày 27 tháng 6, năm 1961 bổ nhiệm ông Hoàng Yên giữ chức vụ Phái viên hành chính Hoàng Sa.

Ngày 13 tháng 7 năm 1961, Việt Nam Cộng hòa sáp nhập quần đảo Hoàng Sa vào tỉnh Quảng Nam và thành lập tại quần đảo này một xã, gọi là xã Định Hải, thuộc quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam; tại Nghị Định số 709-BNV-HCĐP-26 ngày 21 tháng 10 năm 1969 của Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa, xã Định Hải được sáp nhập vào xã Hòa Long, quận Hòa Vang, tỉnh Quảng Nam.

Ngày 11 tháng 4 năm 1967, Việt Nam Cộng hòa ban hành Nghị Định số 809-NĐ-DUHC cử ông Trần Chuân giữ chức Phái viên hành chính xã Định Hải, quận Hòa Vang, Quảng Nam.

Ngày 13 tháng 7 năm 1971, tại Hội nghị ASPEC (Conseil de l'Asie et du Pacifique) tại Manila, Bộ trưởng ngoại giao Việt Nam Cộng hòa Trần Văn Lắm đã

tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

Ngày 24 tháng 9 năm 1973, Việt Nam Cộng hòa thông báo dự định tiến hành các cuộc khảo sát dầu lửa khu vực ngoài khơi bờ biển miền Trung, đối diện với quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 15 tháng 01 năm 1974, sau khi tuyên bố lên án chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã “xâm lấn đất đai của Trung Quốc”, “tất cả các quần đảo Nam Sa, Tây Sa, Đông Sa và Trung Sa là lãnh thổ của Trung Quốc”..., CHND Trung Hoa đã đưa quân đổ bộ và cắm cờ Trung Quốc lên các đảo Hữu Nhật, Quang Ảnh, Quang Hòa và Duy Mộng thuộc nhóm đảo phía Tây quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 16 tháng 01 năm 1974, Tuần dương hạm Lý Thường Kiệt của Hải quân Việt Nam Cộng hòa đã đưa phái đoàn quân lực ra Hoàng Sa và đã phát hiện 2 chiến hạm số 402 và 407 của Hải quân Trung Quốc đang ở gần đảo Hữu Nhật, xác nhận quân Trung Quốc đã chiếm đóng, cắm cờ trên các đảo Quang Hòa, Duy Mộng, Quang Ảnh... Lập tức, Ngoại trưởng Vương Văn Bắc họp báo tố cáo Bắc Kinh đã huy động tàu chiến vi phạm vùng biển quần đảo Hoàng Sa và đưa binh lính đổ bộ xâm chiếm các đảo Hữu Nhật, Quang Ảnh, Quang Hòa, Duy Mộng, thuộc nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa.

Từ ngày 17 tháng 01 đến ngày 20 tháng 01 năm 1974, trận hải chiến giữa lực lượng Hải quân Việt Nam Cộng hòa và lực lượng Hải, Lục, Không quân, Quân giải phóng Nhân dân Trung Hoa, xảy ra trong tình thế rất khó khăn cho quân lực Việt Nam Cộng hòa, và mặc dù đã chiến đấu quả cảm, nhiều binh sỹ đã anh dũng hy sinh, Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã không thể giữ được các đảo thuộc nhóm phía Tây quần đảo Hoàng Sa.

Quan sát viên của Việt Nam Cộng hòa tại LHQ đã chính thức yêu cầu Chủ tịch HĐBA LHQ xem xét hành động xâm phạm chủ quyền lãnh thổ Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa. Ngày 19 tháng 01 năm 1974, Bộ ngoại giao Việt Nam Cộng hòa ra Tuyên cáo kêu gọi các dân tộc yêu chuộng công lý và hòa bình lên án hành động xâm lược thô bạo của Trung Quốc, buộc Trung Quốc chấm dứt ngay hành động nguy hiểm đó.

Cũng trong thời gian này, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam đã ra Tuyên bố nêu rõ lập trường của mình:

- Chủ quyền và sự toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng đối với mỗi dân tộc.

- Vấn đề biên giới và lãnh thổ là vấn đề mà giữa các nước láng giềng thường có những tranh chấp do lịch sử để lại.

- Các nước liên quan cần xem xét vấn đề này trên tinh thần bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, hữu nghị và láng giềng tốt và phải giải quyết bằng thương lượng.

Ngày 20 tháng 01 năm 1974, lúc 16 giờ, Ngoại trưởng Vương Văn Bắc, đã thông báo tình hình quần đảo Hoàng Sa cho Martin, Đại sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn, và yêu cầu Hoa Kỳ cho biết sẽ dành cho Việt Nam Cộng hòa sự ủng hộ nào về vật chất, chính trị với tư cách là nước thân hữu và đồng minh, cũng như với tư cách là quốc gia đã ký kết và bảo đảm cho Hiệp định Paris ngày 27 tháng 01 năm 1973, không? Nhưng không nhận được trả lời của Hoa Kỳ.

Ngày 21 tháng 01 năm 1974, Chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã gửi Công hàm cho các thành viên ký kết Định ước Paris đề nghị các thành viên lên án và đòi nhà cầm quyền Trung Quốc không được xâm phạm lãnh thổ Việt Nam theo đúng nội dung Điều 1 và Điều 4 của Định ước.

Ngày 22 tháng 01 năm 1974, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Thiệu đã gửi thư cho Tổng thống Hoa Kỳ Richard Nixon về biến cố Hoàng Sa và ngày 28 tháng 01 năm 1974, thông báo tới tất cả các Quốc gia có quan hệ ngoại giao với Việt Nam Cộng hòa về hành động hiếu chiến của Trung Quốc trong cuộc hành quân xâm lược quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền Việt Nam.

Ngày 30 tháng 3 năm 1974, tại kỳ họp lần thứ 30 của Hội đồng kinh tế LHQ về Châu Á và Viễn Đông (ECAPE), tại Colombo, Phái đoàn Việt Nam Cộng hòa đã tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam.

Ngày 02 tháng 7 năm 1974, tại kỳ họp thứ 2 của Hội nghị lần thứ 3 của LHQ về Luật Biển (UNCLOS III) diễn ra tại Caracas (20/6/1974 - 29/8/1974), Đại biểu của Việt Nam Cộng hòa đã lên tiếng tố cáo Trung Quốc xâm chiếm quần đảo Hoàng Sa bằng vũ lực và khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam, chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo này là không tranh chấp và không thể chuyển nhượng.

Ngày 14 tháng 02 năm 1975, Việt Nam Cộng hòa công bố Sách trắng về chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

V. Nhà nước Việt Nam thống nhất đã tiếp tục thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa từ sau năm 1975

Sau chiến thắng Buôn Mê Thuột, thời cơ chiến lược giải phóng miền Nam đã đến. Bộ chính trị quyết định giải phóng hoàn toàn miền Nam ngay trong mùa khô năm 1975, bao gồm các đảo và các quần đảo Trường Sa, Côn Lôn, Phú Quốc...

Ngày 05 tháng 4 năm 1975, Bộ Tư lệnh Hải quân đã triển khai kế hoạch chiến đấu giải phóng quần đảo Trường Sa. Lực lượng tham gia giải phóng gồm có các tàu của đoàn vận tải quân sự 125, đoàn 126 đặc công, tiểu đoàn 471, đặc công quân khu 5 và tiểu đoàn 407 cùng lực lượng đặc công tỉnh Khánh Hoà. Bộ Tư lệnh Hải quân chủ trương nhanh chóng đánh đảo Song Tử Tây trước để làm bàn đạp và rút kinh nghiệm đánh tiếp các đảo Nam Yết, Sơn Ca, Sinh Tồn, An Bang, Trường Sa và các đảo còn lại của quần đảo. Và từ ngày 13 đến ngày 28 tháng 4, Hải quân

Nhân dân Việt Nam đã giải phóng và tiếp quản các đảo có quân đội Việt Nam Cộng hòa đang quản lý, đồng thời triển khai lực lượng tại các đảo và một số vị trí khác để bảo vệ quần đảo Trường Sa.

Ngày 09 tháng 9 năm 1975, đại biểu Chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam Việt Nam tại Hội nghị Khí tượng thế giới đã tiếp tục đăng ký đài khí tượng Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa vào hệ thống SYNOP của Tổ chức Khí tượng quốc tế với ký hiệu 48.860 và khẳng định chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 24 tháng 9 năm 1975, trong cuộc gặp đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, do Tổng Bí thư Lê Duẩn dẫn đầu, nhà lãnh đạo Trung Quốc Đặng Tiểu Bình tuyên bố sau này hai bên sẽ bàn bạc về vấn đề chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa mà Trung quốc gọi là Tây Sa và quần đảo Trường Sa mà Trung Quốc gọi là Nam Sa.

Ngày 05 tháng 6 năm 1976, Người phát ngôn Bộ ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và có quyền bảo vệ chủ quyền đó.

Ngày 02 tháng 7 năm 1976, Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được thành lập và hoàn toàn có nghĩa vụ, quyền hạn tiếp tục quản lý và bảo vệ chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 12 tháng 5 năm 1977, Chính phủ CHXHCN Việt Nam ra Tuyên bố về các vùng biển và thềm lục địa Việt Nam, trong đó đã khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam có các vùng biển và thềm lục địa riêng. Đoạn 5 của Tuyên bố viết: các đảo và quần đảo thuộc lãnh thổ Việt Nam ở ngoài vùng lãnh hải nói ở Điều 1 đều có lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền về kinh tế và thềm lục địa riêng như đã quy định trong các điều 1, 2, 3, và 4 của Tuyên bố này.

Tại phiên họp thứ 7 cuộc đàm phán về biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc, cuộc đàm phán này bắt đầu từ ngày 09 tháng 10 năm 1977, Trưởng đoàn Việt Nam Phan Hiền, đã bác bỏ vu cáo của phía Trung Quốc đối với việc Hải quân Nhân dân Việt Nam đã tiếp quản các đảo thuộc quần đảo Trường Sa và tái khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Ông Phan Hiền đề nghị với ông Hàn Niệm Long, Trưởng đoàn Trung Quốc, về việc đưa vấn đề hai quần đảo vào chương trình nghị sự, nhưng phía Trung Quốc từ chối.

Ngày 30 tháng 12 năm 1978, người phát ngôn Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố bác bỏ luận điệu nêu trong Tuyên bố ngày 29 tháng 02 năm 1978 của người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc về vấn đề quần đảo Trường Sa, khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo

Hoàng Sa và Trường Sa, nhắc lại lập trường của Việt Nam chủ trương giải quyết mọi tranh chấp hoặc bất bình bằng thương lượng hoà bình.

Ngày 15 tháng 3 năm 1979, Bộ Ngoại giao CHXHCN Việt Nam công bố Bị Vong Lục về vấn đề biên giới Việt - Trung. Điểm 9 của Bị Vong Lục đã tố cáo Trung Quốc đánh chiếm trái phép quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam vào tháng 01 năm 1974.

Ngày 07 tháng 8 năm 1979, Bộ Ngoại giao Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra Tuyên bố về quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, bác bỏ sự xuyên tạc của Trung Quốc trong việc công bố một số tài liệu của Việt Nam liên quan đến các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo này, nhắc lại lập trường của Việt Nam về việc giải quyết sự tranh chấp về 2 quần đảo giữa hai nước bằng thương lượng hoà bình.

Ngày 28 tháng 9 năm 1979, Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố Sách trắng: “Chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa”, trong đó đã giới thiệu 19 tài liệu liên quan đến chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo.

Ngày 22 tháng 10 năm 1979, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao CHXHCN Việt Nam tuyên bố phản đối việc Trung Quốc lập ra 4 vùng nguy hiểm trên vùng biển quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam, cắt ngang các đường bay quốc tế qua Biển Đông.

Ngày 28 tháng 11 năm 1979, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố bác bỏ các quy định của Trung Quốc chỉ đạo hoạt động của máy bay dân dụng nước ngoài qua vùng trời quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

Ngày 30 tháng 01 năm 1980, Bộ Ngoại giao Trung Quốc công bố văn kiện về ‘Tây Sa và Nam Sa’. Ngày 05 tháng 02 năm 1980, Bộ Ngoại giao Việt Nam ra tuyên bố vạch trần thủ đoạn xuyên tạc của Trung Quốc trong văn kiện ngày 30 tháng 01 năm 1980.

Tháng 6 năm 1980, tại Hội nghị Khí Tượng Khu Vực Châu Á lần II họp tại Genève, đại biểu Việt Nam tuyên bố trạm khí tượng của Trung Quốc tại Sanhudo (đảo Hoàng Sa của Việt Nam) là bất hợp pháp. Kết quả là trạm Hoàng Sa của Việt Nam vẫn được giữ nguyên trạng trong danh sách các trạm như cũ.

Tháng 7 năm 1980, Tại Hội nghị địa chất quốc tế lần thứ 26 ở Paris (từ ngày 07 đến ngày 17 tháng 7 năm 1980), Trưởng đoàn đại biểu Việt Nam Phạm Quốc Tường, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất Việt Nam đã gửi Công hàm cho Chủ tịch Hội nghị Địa chất quốc tế và Tổng Thư ký Hội nghị vạch trần và tố cáo hành động của Đoàn đại biểu Trung Quốc đã lợi dụng Hội nghị để tuyên truyền các gọi là Trung Quốc có chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vì chúng là sự kéo dài của lục địa Trung Hoa.

Tháng 12 năm 1981, Tổng cục Bưu điện Việt Nam điện cho Chủ tịch Ủy ban đăng ký tần số tại Genève phản đối việc Trung Quốc được phát một số tần số trên vùng trời Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Tháng 12 năm 1981, Bộ Ngoại giao Việt Nam công bố sách trắng: “Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam”.

Tháng 10 năm 1982, tại Hội Nghị Toàn Quyền của UIT, đại biểu Việt Nam tuyên bố không chấp nhận việc thay đổi phát sóng đã được phân chia năm 1978 tại Genève.

Ngày 12 tháng 11 năm 1982, Chính phủ Việt Nam ra Tuyên bố về hệ thống đường cơ sở dùng để tính chiều rộng lãnh hải ven bờ lục địa Việt Nam.

Ngày 04 tháng 02 năm 1982, Chính phủ Việt Nam quyết định thành lập Huyện Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng.

Tháng 01 năm 1983, Hội nghị Hành chính Thế giới về thông tin vô tuyến đã đồng ý sẽ xem xét đề nghị của Việt Nam về việc phát sóng trên vùng trời Hoàng Sa và Trường Sa tại Hội nghị sắp tới.

Cũng tháng 01 năm 1983, Hội nghị Hàng không khu vực Châu Á Thái Bình Dương họp ở Singapore, Trung Quốc muốn mở rộng FIR Quảng Châu lấn vào FIR Hà Nội và FIR TP Hồ Chí Minh, nhưng Hội nghị quyết định duy trì nguyên trạng.

Ngày 25 tháng 4 năm 1984, Ủy ban Địa danh Trung Quốc công bố tên mới cho các đảo, bãi, đá trong Biển Đông, trong đó có đảo thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Ngày 06 tháng 5 năm 1984, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam phản đối việc đặt tên của Trung Quốc.

Tại Hội nghị Tổ chức Thông tin Vũ trụ quốc Tế (INTELSAT) lần thứ 13 họp tại Bangkok, đại biểu Việt Nam đã phản đối việc Trung Quốc sử dụng những bản đồ ghi Hoàng Sa, Trường Sa (mà Trung Quốc gọi là Tây Sa, Nam Sa) là của Trung Quốc.

Ngày 6 tháng 5 năm 1983, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã tuyên bố phản đối việc CHND Trung Hoa đặt tên cho các đảo, đá, bãi cạn ... thuộc quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Tháng 12 năm 1985, Việt Nam phê chuẩn Công ước Nairobi 1982, tuyên bố yêu cầu UIT sửa đổi Phụ lục AER2 của Thê lệ vô tuyến viễn thông, khẳng định quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Việt Nam không chấp nhận những thay đổi có liên quan đến các tần số đã được phân chia ở vùng 6D, 6F, 6G nêu trong biên bản Hội nghị hành chính thế giới về thông tin vô tuyến 1978.

Ngày 5 tháng 01 năm 1986, Bộ ngoại giao Việt Nam tuyên bố việc Hồ Diệu Bang, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc, cùng với Lưu Hoa Thanh, Trương

Trọng Tiên, đi thị sát quần đảo Hoàng Sa, vào ngày 01 tháng 01, là hoạt động phi pháp, xâm phạm chủ quyền Việt Nam.

Ngày 28 tháng 11 năm 1987, Thông tấn xã Việt Nam ra tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam. Mọi biện pháp hành chính và các hoạt động thăm dò khảo sát của nước khác ở khu vực 2 quần đảo này đều bất hợp pháp, không có giá trị và vi phạm chủ quyền lãnh thổ Việt Nam.

Năm 1988, Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã thông báo cho Liên Hợp quốc, gửi nhiều công hàm phản đối đến Bắc Kinh và đặc biệt là các Công hàm ngày 16, 17, 23 tháng 3 năm 1988 đề nghị hai bên thương lượng giải quyết vấn đề tranh chấp. Trung Quốc tiếp tục chiếm giữ các bãi đá đã chiếm được và khước từ thương lượng. Ngày 14 tháng 4 năm 1988, Bộ Ngoại giao Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam phản đối việc Quốc hội Trung Quốc sáp nhập hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào tỉnh Hải Nam (Nghị quyết ngày 13 tháng 4 năm 1988 thành lập tỉnh Hải Nam).

Tháng 4 năm 1988, Bộ Ngoại giao Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam công bố Sách Trắng "Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và Luật pháp quốc tế".

Ngày 4 tháng 3 năm 1992, Bộ ngoại giao Việt Nam gửi Công hàm phản đối 'Pháp lệnh về lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải của CHND Trung Hoa'. Công hàm khẳng định Việt Nam có chủ quyền không thể tranh cãi đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 22 tháng 01 năm 1994, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố Việt Nam có quyền kiểm soát đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, Việt Nam là nước đầu tiên chiếm hữu và quản lý nhà nước 2 quần đảo này từ thế kỷ XVII.

Ngày 23 tháng 6 năm 1994, Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ra Nghị quyết phê chuẩn Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển 1982, trong đó, đã khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa và chủ trương giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng hòa bình với các nước có liên quan. Quốc hội còn nhấn mạnh cần phân biệt vấn đề tranh chấp chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa với vấn đề phân định các vùng biển và thềm lục địa thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia theo đúng các tiêu chuẩn của Pháp luật quốc tế.

Ngày 01 tháng 01 năm 1997, Đà Nẵng tách khỏi tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, Huyện đảo Hoàng Sa được đặt dưới sự quản lý của chính quyền Thành phố Đà Nẵng. Địa điểm của trụ sở UBND huyện Hoàng Sa được đặt tại 132 đường Yên Bái, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 02 tháng 6 năm 1999, người phát ngôn Bộ ngoại giao Việt Nam đã thông báo lập trường của Việt Nam phản đối lệnh cấm đánh bắt cá tại vùng phía Bắc Biển Đông, trong đó có khu vực quần đảo Hoàng Sa, từ ngày 1 tháng 6 đến ngày 31 tháng 7 năm 1999.

Ngày 27 tháng 12 năm 2000, Việt Nam bác bỏ tuyên bố của Trung Quốc ngày 26 tháng 12 năm 2000 nói rằng họ mới là chủ nhân của 2 quần đảo mà cả 2 nước đều nhận. Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam khẳng định Việt Nam có đầy đủ các bằng chứng pháp lý và lịch sử để chứng minh chủ quyền không thể tranh cãi đối với 2 quần đảo này.

Ngày 01 tháng 6 năm 2002, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam phản đối việc Trung Quốc tiếp tục ban hành lệnh cấm đánh bắt cá ở Biển Đông từ 01 tháng 6 đến 01 tháng 8 năm 2002.

Ngày 24 tháng 4 năm 2003, Việt Nam trao Bản ghi nhớ cho phía Trung Quốc phản đối việc Trung Quốc đưa tàu đến vùng biển Hoàng Sa, Trường Sa và Thềm lục địa Việt Nam để tiến hành khảo sát địa chấn.

Ngày 29 tháng 01 năm 2004, Bảo tàng Đà Nẵng đã mở cửa Phòng trưng bày những tư liệu lịch sử về huyện đảo Hoàng Sa, Thành phố Đà Nẵng, tại 78 Lê Duẩn, quận Hải Châu, Đà Nẵng. Những tư liệu được trưng bày do UBND huyện Hoàng Sa cung cấp, với gần 100 loại bản đồ, sơ đồ, bút tích, mô hình, tư liệu gốc...

Ngày 02 tháng 10 năm 2004, Đại diện Bộ Ngoại giao Việt Nam gặp Đại diện Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội và Đại diện Bộ Ngoại giao Trung Quốc tại Bắc Kinh phản đối và yêu cầu phía Trung Quốc dừng ngay việc tập trận tại khu vực biển quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 17 tháng 02 năm 2005, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã lên tiếng phản đối những hoạt động thăm dò, khảo sát của Trung Quốc tại khu vực 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 28 tháng 12 năm 2006, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam lên tiếng phản đối việc Trung Quốc dựng bia chủ quyền ở Hoàng Sa, lên án việc làm này đã vi phạm chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 24 tháng 4 năm 2007, Hội đồng bầu cử Quốc hội đã công bố danh sách ứng cử viên Đại biểu Quốc Hội khóa XII theo từng Đơn vị bầu cử, trong đó có khu vực bầu cử thuộc Huyện đảo Hoàng Sa (Đà Nẵng) và Huyện đảo Trường Sa (Khánh Hòa).

Ngày 03 tháng 12 năm 2007, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã phản đối Quốc vụ viện Trung Quốc phê chuẩn việc thành lập thành phố Tam Sa để quản lý 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 07 tháng 12 năm 2007, tại phiên bế mạc kỳ họp thứ 10 HĐND thành phố Đà Nẵng, toàn thể đại biểu HĐND thành phố đã thống nhất kiến nghị đưa nội

dung lên án và phản đối việc Trung Quốc thành lập thành phố Tam Sa bao gồm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào Nghị quyết của HĐND thành phố năm 2008.

Cũng trong thời gian này, các tổ chức người Việt Nam ở nước ngoài đã công bố văn bản khẳng định lập trường của người Việt Nam trên toàn cầu, lên án chủ nghĩa bá quyền Trung Quốc trong việc thành lập thành phố Tam Sa để quản lý quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 9 tháng 12 năm 2007, tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, hàng trăm người Việt Nam đã xuống đường biểu tình ôn hòa phản đối Trung quốc vi phạm chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trong việc Trung Quốc đã thành lập thành phố hành chính cấp huyện nhằm quản lý quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, UBND huyện Hoàng Sa đã tổ chức cuộc gặp gỡ với những người đã từng sống và làm việc trên đảo Hoàng Sa. Đó là những cựu nhân viên của Trạm quan trắc khí tượng Hoàng Sa, hiện đang sống tại thành phố Đà Nẵng.

Ngày 13 tháng 3 năm 2009, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã lên tiếng phản đối quyết định của Trung Quốc cho phép một công ty du lịch mở tuyến du lịch đến quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 17 tháng 3 năm 2009, mạng RFA đưa tin, hôm thứ 3, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã tuyên bố Việt Nam đang theo dõi sát sao hoạt động của tàu Ngư chính 311 của Trung Quốc trên Biển Đông và khẳng định rằng Việt Nam có chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Ngày 06 tháng 4 năm 2009, Báo Tiền Phong đưa tin các thế hệ gia tộc Họ Đặng ở Huyện đảo Lý Sơn đã gìn giữ các bản gốc Chứng chỉ, Sắc phong... của Nhà Nguyễn có liên quan đến hoạt động của Đội Hoàng Sa. Sáng 9 tháng 4 năm 2009, dòng tộc Họ Đặng ở thôn Đông Hộ, xã An Hải, huyện Lý Sơn tổ chức lễ hiến tặng và bàn giao tờ lệnh quý liên quan đến hoạt động của Đội Hoàng Sa cho Nhà nước.

Ngày 25 tháng 4 năm 2009, Thành phố Đà Nẵng đã tổ chức trọng thể lễ công bố Quyết định bổ nhiệm chức danh Chủ tịch UBND huyện đảo Hoàng Sa cho ông Đặng Công Ngữ.

Ngày 29 tháng 6 năm 2009, tại Văn phòng UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế nhà nghiên cứu Huế Phan Thuận An đã bàn giao tờ châu bản có chữ ký và ngự phê của Vua Bảo Đại liên quan đến chủ quyền Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa cho Bộ Ngoại giao Việt Nam.

Ngày 16 tháng 11 năm 2009, Việt Nam phản đối về việc ngày 08 tháng 11 năm 2009 Chính quyền tỉnh Hải Nam đã quyết định thành lập UB thôn đảo ‘Vĩnh

Hung' và ' Triệu Thuật', tức là đảo Phú Lâm và Đảo Cây thuộc quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam.

Ngày 29 tháng 3 năm 2009, UBND huyện Hoàng Sa tổ chức triển lãm "Hoàng Sa biển đảo quê hương" nhân kỷ niệm 35 năm giải phóng thành phố Đà Nẵng, hàng ngàn người dân đã đến thăm quan, tìm hiểu và bày tỏ tình cảm của mình đối với quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2010, Đại diện Bộ Ngoại giao Việt Nam gặp Đại diện Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội phản đối các hoạt động của Trung Quốc ở quần đảo Hoàng Sa, trong đó có việc Trung Quốc đã thuê tàu Panama (M/V Western Spirit) tiến hành khảo sát địa chấn khu vực xung quanh đảo Tri Tôn thuộc quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2010, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã lên tiếng phản đối việc Ủy ban Cải cách và phát triển nhà nước Trung Quốc đã phê duyệt 'Chương yếu quy hoạch xây dựng và phát triển đảo du lịch quốc tế Hải Nam năm 2010 - 2020', bao gồm cả quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, trong đó có kế hoạch tăng cường mở tuyến du lịch đường không và đường biển ra quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 06 tháng 11 năm 2010, Việt Nam phản đối việc Cục Đo đạc và Bản đồ quốc gia Trung Quốc đã khai trương mạng Map World, thể hiện đường biên giới biển 9 đoạn bao trùm 80% Biển Đông.

Ngày 17 tháng 02 năm 2011, Trước việc Trung Quốc tiến hành tập trận tại khu vực quần đảo Hoàng Sa, tại cuộc họp báo thường kỳ, Người phát ngôn BNG Việt Nam đã yêu cầu Trung Quốc chấm dứt mọi hoạt động vi phạm chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo này, yêu cầu Trung Quốc thực hiện nghiêm túc Tuyên bố về cách ứng xử Biển Đông (DOC), góp phần giữ gìn hòa bình, ổn định ở Biển Đông.

Ngày 03 tháng 5 năm 2011, Phái đoàn thường trực Việt Nam tại LHQ đã gửi thư lên Ban phụ trách các vấn đề Đại dương và Luật Biển nêu rõ quan điểm của Việt Nam đối với 2 văn bản do Philippines và Trung Quốc gửi lên Tổng Thư ký LHQ trước đó và khẳng định 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam, Việt Nam có đầy đủ chứng cứ lịch sử và cơ sở pháp lý để khẳng định chủ quyền đối với 2 quần đảo này.

Ngày 24 tháng 11 năm 2011, Bộ Ngoại giao Việt Nam tuyên bố phản đối chính quyền tỉnh Hải Nam ngày 22 tháng 11 năm 2011 đã cấp phép cho 1 Công ty du lịch đưa khách đi tham quan từ Hải Nam đến quần đảo Hoàng Sa, khẳng định việc làm này là vi phạm chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa.

Ngày 19 tháng 01 năm 2012, UBND huyện Hoàng Sa ra mắt "Kỷ yếu Hoàng Sa", một ấn đặc biệt giới thiệu khái quát các thông tin, tư liệu về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử chủ quyền, các hoạt động của UBND huyện Hoàng Sa, ghi lại

hình ảnh và hồi ức, tâm nguyện của các nhân chứng lịch sử đã từng sinh sống và làm việc trên quần đảo Hoàng Sa.

Cũng trong năm 2012, UBND huyện Hoàng Sa phối hợp Ban Tuyên giáo Thành ủy Đà Nẵng, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng tổ chức nghiên cứu 02 Đề tài khoa học về Hoàng Sa, gồm Đề tài “Font tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với huyện đảo Hoàng Sa” và Đề tài “Quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam qua các tư liệu lưu trữ của Chính quyền Việt Nam cộng hòa (1954 - 1975)” qua đó phát hiện, hệ thống hóa nhiều tư liệu chứng minh chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa. Trong thời gian này, ông Trần Thắng, một Việt kiều đang sinh sống tại Mỹ đã cùng với đồng bào Việt Nam trong và ngoài nước tổ chức sưu tầm được 03 quyển Atlas bản đồ do nhà nước Trung Quốc phát hành các năm 1908, 1919 và 1933, cùng với 150 bản đồ của Việt Nam, Trung Quốc và các nước phương Tây ấn hành, trong đó thể hiện cực nam của lãnh thổ Trung Quốc chỉ đến đảo Hải Nam, hoàn toàn không có quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam như họ tuyên bố tranh chấp.

Ngày 20 tháng 01 năm 2013, UBND huyện Hoàng Sa đã phối hợp Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Đà Nẵng, Hội Khoa học Lịch sử thành phố Đà Nẵng, Bảo tàng Đà Nẵng và Báo Tuổi trẻ tổ chức chương trình triển lãm toàn bộ các tư liệu trên. Hàng ngàn người dân thành phố Đà Nẵng đã đến xem và thông tin được tuyên truyền rộng rãi trên tất cả các phương tiện truyền thông cả nước, tạo nên sự quan tâm đặc biệt của các tầng lớp nhân dân đối với vấn đề bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Diễn qua các sự kiện chủ yếu xảy ra có liên quan đến quần đảo Hoàng Sa trong các giai đoạn khác nhau, với những diễn biến thăng trầm của lịch sử, chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định được rằng Việt Nam có đủ các bằng chứng pháp lý và cứ liệu lịch sử có giá trị để chứng minh và bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của mình đối với quần đảo Hoàng Sa hiện đang nằm dưới sự chiếm đóng bất hợp pháp của lực lượng vũ trang Trung Quốc. Đúng như lời tuyên bố lịch sử của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Tấn Dũng, trước các Đại biểu Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam, tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa 13, ngày 25 tháng 11 năm 2011:

‘Việt Nam có đủ căn cứ pháp lý và lịch sử khẳng định rằng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền Việt Nam. Chúng ta làm chủ thật sự, ít nhất là từ thế kỷ XVII, khi 2 quần đảo này chưa thuộc bất kỳ quốc gia nào. Chúng ta đã làm chủ trên thực tế và liên tục, hòa bình’.

‘Lập trường nhất quán của chúng ta là quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam. Chúng ta có đủ căn cứ lịch sử và pháp lý để khẳng định điều này. Nhưng chúng ta chủ trương đàm phán giải quyết đòi hỏi chủ quyền bằng biện pháp hòa bình. Chủ trương này phù hợp với Hiến chương LHQ, phù hợp với Công ước Luật Biển năm 1982’

Trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp trên Biển Đông, Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Phạm Bình Minh đã khẳng định rõ lập trường và quan điểm của Việt Nam:

“...Trong vấn đề Biển Đông, chúng ta kiên trì lập trường nguyên tắc, kiên quyết đấu tranh với các hành động của Trung Quốc vi phạm chủ quyền và các quyền hợp pháp của ta trên biển, tranh thủ được mối quan tâm thường xuyên và sự ủng hộ của dư luận quốc tế và khu vực, đảm bảo các hoạt động kinh tế trong vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa 200 hải lý được triển khai bình thường. Đồng thời, chúng ta tiếp tục cùng các nước ASEAN tiến hành đàm phán với Trung Quốc về những vấn đề liên quan nhằm từng bước tìm giải pháp cơ bản, lâu dài cho các vấn đề tranh chấp ở Biển Đông trên cơ sở luật pháp quốc tế”./.